HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG NĂM 2015 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2016

Thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh trao tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2014 cho Trung tâm KNQG

Ngày 31/12/2015, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức Hội nghị tổng kết công tác khuyến nông năm 2015 và triển khai kế hoạch công tác năm 2016. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh tới dự và chỉ đạo Hội nghị. Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo các tổng cục, cục, vụ, thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng toàn thể cán bộ công chức, viên chức của Trung tâm.

Trong năm 2015, hoạt động khuyến nông đã có nhiều đổi mới, đạt được những kết quả quan trọng. Nội dung bám sát Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các vấn đề trọng điểm của ngành nông nghiệp. Các hoạt động thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn, xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn từ trung ương đến địa phương đều hướng tập trung vào phát triển các sản phẩm chủ lực, các vùng, địa bàn trọng điểm. Đồng thời, khuyến nông tích cực triển khai các nhiệm vụ "nóng" của ngành như phòng chống và khắc phục thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, liên kết sản xuất để giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm, xúc tiến tiêu thụ và nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông tiếp tục cải tiến, đa dạng về nội dung và hình thức, nâng cao khả năng tiếp cận. Biên soạn và phát hành tài liệu khuyến nông sát nhu cầu, phù hợp với đối tượng sử dụng, giảm phát hành ở trung ương, tăng phát hành về cơ sở, hỗ trợ thí điểm xây dựng "Tủ sách khuyến nông" của các xã nông thôn mới. Kết hợp các sự kiện khuyến nông (Diễn đàn, Hội thi, Hội chợ) với truyền thông để mở rộng phạm vi và đối tượng được tiếp cận thông tin, kiến thức. Truyền thông khuyến nông có định hướng theo đối tượng sản xuất, mùa vụ theo vùng miền; giảm chuyên mục, tăng thời lượng, tăng tư vấn, mở rộng trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Đổi mới phương thức đào tạo tập huấn khuyến nông, kết hợp bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng khuyến nông với tập huấn kiến thức chuyên môn cho cán bộ khuyến nông. Đào tạo lực lượng giảng viên khuyến nông cấp quốc gia, cấp tỉnh để nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông.

Cải tiến phương pháp triển khai dự án Khuyến nông: Chú trọng chọn điểm, chọn hộ thực hiện, theo dõi, tổng kết các nội dung tiến bộ kỹ thuật, công nghệ và công tác quản lý, tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết dự án theo vùng để phân tích đánh giá đúc rút kinh nghiệm, xác định giải pháp và thông tin kết quả để nhân rộng mô hình của dự án.

Tuy nhiên, công tác khuyến nông vẫn còn những hạn chế như: Lực lượng khuyến nông trẻ còn thiếu kiến thức thực tiễn, kỹ năng khuyến nông, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả hoạt động khuyến nông. Phần lớn cán bộ khuyến nông quen với cách làm cũ, chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp. Cơ chế quản lý khuyến nông hiện nay vừa chồng chéo, vừa phân tán, sự phối hợp hoạt động giữa trung ương và địa phương, giữa các đơn vị trong Bộ và ngoài Bộ, giữa khuyến nông

Nhà nước và khuyến nông ngoài Nhà nước còn chưa chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khuyến nông chưa thường xuyên…

Trong năm 2016, khuyến nông tập trung đổi mới phương pháp tiếp cận, lựa chọn những tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất hiệu quả nhất, nổi bật, có sức thuyết phục cao và có khả năng lan tỏa để chuyển giao đến người dân. Nội dung hoạt động khuyến nông sẽ tập trung và bám sát Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đối tượng sản xuất là các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng, lợi thế, khả năng cạnh tranh. Vùng sản xuất là các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tập trung chuyên canh, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu. Các hoạt động khuyến nông đảm bảo 3 yếu tố nhằm mục tiêu tăng trưởng giá trị và tăng thu nhập, đó là: Thúc đẩy sản xuất tăng trưởng (khối lượng và giá trị); Liên kết, hợp tác sản xuất; Gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

Phát biểu tại Hội nghị, GS.TS. Ngô Thế Dân - Nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch Trung ương Hội Làm vườn Việt Nam nhấn mạnh: Trong những năm qua hệ thống khuyến nông phát triển nhanh, mạnh và rộng khắp, có thể thấy hoạt động sản xuất của người dân ở đâu đạt năng suất cao, ở đó có vai trò của khuyến nông. Thời gian tới hệ thống khuyến nông cần chuyển hướng mạnh mẽ hơn để nâng cao hiệu quả các chuỗi giá trị, đẩy mạnh chuyển giao và hỗ trợ kỹ thuật đến người nông dân.

Phát biểu chỉ đạo, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh đánh giá cao hoạt động khuyến nông trong thời gian qua, tuy còn nhiều bất cập về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế, điều kiện hoạt động nhưng Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã cùng Bộ vượt qua khó khăn, thách thức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong việc tiếp cận nhu cầu sản xuất, thực hiện theo hình thức đặt hàng từ các cục, vụ chuyên ngành đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Chỉ hơn 20 năm hoạt động, hệ thống khuyến nông đã hình thành và phát triển mạnh mang tính chuyên nghiệp, Trung tâm Khuyến nông

Hoạt động thông tin tuyên truyền Khuyến nông tiếp tục cải tiến, đa dạng về nội dung và hình thức

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

Quốc gia giữ vai trò quan trọng là đầu mối giúp Bộ duy trì sự kết nối giữa khuyến nông trung ương và khuyến nông địa phương. Năm 2015 là năm nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên có nhiều đổi mới, từ công tác đào tạo huấn luyện đến thông tin tuyên truyền, bước đầu đã mang lại hiệu quả, được các địa phương đánh giá cao.

Thứ trưởng nhấn mạnh, công tác khuyến nông đóng vai trò quan trọng, là ngành khoa học thực sự, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông đồng nghĩa với việc thực hiện hiệu quả đầu tư công. Năm 2016, cần tiếp tục phát huy sức mạnh của hệ thống, gắn kết hệ thống khuyến nông giữa trung ương và địa phương, viện, trường, hội. Đây là điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất; Thay đổi cách tiếp cận và tổ chức thực hiện, trong đó quan trọng là chuyển giao và nhân rộng các mô hình khuyến nông hiệu quả; Tiếp tục đổi mới hoạt động khuyến nông thường xuyên, tập trung đào tạo kỹ năng và phương pháp khuyến nông để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác khuyến nông, công tác thông tin tuyên truyền gắn với thực tế sản xuất, gắn với hiện trường, xuất bản ấn phẩm với nội dung ngắn gọn theo hình thức tờ rơi, tờ gấp; Khuyến nông cần tiếp cận tiến bộ kỹ thuật để tổ chức sản xuất gắn kết thị trường theo chuỗi giá trị.

Tại Hội nghị, thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh đã trao tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2014 cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Thừa ủy quyền Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam, Thứ trưởng đã trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho đồng chí Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm và Huân chương Lao động hạng Ba cho đồng chí Vũ Tiết Sơn - Phó Trưởng Bộ phận Văn phòng thường trực Nam bộ; Trao tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho đồng chí Vũ Thị Bích Dương - Phó Trưởng phòng Phòng Thông tin tuyên truyền đã có thành tích trong công tác từ năm 2010 - 2014 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc■

BBT

Hội chợ
TRIỂN LÃM NÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI
vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2015

Các đại biểu cắt băng khai mạc Hội chợ

Với chủ đề "Xây dựng và phát triển vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân nông thôn", Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp - Thương mại vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2015 do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương tỉnh Long An tổ chức, đơn vị trực tiếp thực hiện Công ty CP Xúc tiến thương mại và Phát triển kinh tế đã diễn ra từ ngày 19 - 25/12/2015 tại công viên thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Hội chợ là một trong những hoạt động khuyến nông thường xuyên hàng năm, được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia triển khai tổ chức tại các vùng kinh tế trọng điểm trên toàn quốc, nhằm giới thiệu, quảng bá những tiến bộ khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp phục vụ phát triển sản xuất góp phần thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; khuyến cáo chủ trương "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Long An có thế mạnh nằm ở vị trí bản lề giữa Đông và Tây Nam bộ, giữa vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Nam và cận kề với thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm sản xuất và tiêu thụ hàng hoá lớn nhất cả nước, có điều kiện thuận lợi trong việc trao đổi hàng hoá với Campuchia và các nước Đông Nam Á khác. Chính vì vậy việc tổ chức Hội chợ tại Long An đã thu hút sự tham gia của 225 đơn vị, doanh nghiệp trong cả nước với hơn 360 gian hàng. Trong đó, có trên 80 gian hàng triển lãm, giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp với số lượng, chủng loại hàng hóa sản phẩm phong phú như: Máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, chế biến nông sản (máy tách thóc dạng ngăn, thiết bị chuyển tải gạo, máy gặt đập liên hợp, máy sấy lúa vỉ ngang tự động, máy cấy mạ đẩy tay, máy nghiền thức ăn gia súc và thủy sản, máy cuốn rơm, máy làm đất đa năng); máy thu hoạch mía; hệ thống tưới thông minh công nghệ Israel, hệ thống tưới tự động công nghệ cao; máy giám sát và điều khiển chất lượng nước tự động cho ngành thủy sản; công nghệ và thiết bị bảo quản rau hoa quả; giống cây cây trồng, giống hoa cây cảnh,… Ngoài ra còn có các sản phẩm công nghiệp - thương mại, hàng tiêu dùng đa dạng, phong phú phục vụ đời sống và sinh hoạt.

Theo báo cáo của Ban tổ chức, qua 7 ngày diễn ra Hội chợ đã thu hút trên 100.000 lượt khách đến tham quan, giao dịch và mua sắm; nhiều đơn vị, doanh nghiệp đã ký hợp đồng và bán được nhiều thiết bị, sản phẩm. Qua khảo sát lấy ý kiến khách hàng, có 27 hợp đồng và bản ghi nhớ đã được ký kết với tổng trị giá lên đến hơn 26 tỷ đồng.

Để giúp nông dân trong vùng tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, Ban tổ

Các đại biểu tham quan gian hàng tại Hội chợ

chức đã hỗ trợ kinh phí thông qua Hội Nông dân và Trung tâm Khuyến nông tỉnh đưa đón 540 nông dân của 16 đoàn nông dân trong tỉnh Long An và 2 đoàn nông dân của tỉnh Tiền Giang, Bến Tre tới tham quan, mua sắm và tham dự các hoạt động tại Hội chợ. Đặc biệt, Hội thảo "Giới thiệu sản phẩm và tiến bộ kỹ thuật mới ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp" thu hút 350 đại biểu, trong đó có 200 nông dân. Nhiều doanh nghiệp đã đến từng cụm xã, phường để tư vấn hướng dẫn kỹ thuật, sử dụng vật tư thiết bị phục vụ sản xuất cho nông dân (mỗi cụm từ 20 đến 30 nông dân). Có thể nói các hoạt động tại Hội chợ thực sự là cầu nối hữu hiệu để các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia mua bán, trao đổi hàng hóa, chuyển giao công nghệ phát triển sản xuất.

Đánh giá thế mạnh của vùng ĐBSCL, TS. Phan Huy Thông Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhấn mạnh: Vùng ĐBSCL không những đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm quốc gia mà còn góp phần quan trọng đưa Việt Nam tham gia vào ổn định lương thực toàn cầu. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ĐBSCL đã phát huy nội lực, lựa chọn công nghệ phù hợp, khai thác tốt tiềm năng đất đai, lao động, phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực, để có những bước phát triển mạnh mẽ, góp phần thay đổi diện mạo vùng ĐBSCL. Hiện nay, ĐBSCL là vùng sản xuất và xuất khẩu nông sản hàng hóa lớn nhất cả nước và đứng hàng đầu trong khu vực ASEAN. Bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới (Hiệp định tự do hóa thương mại khu vực ASEAN (AFTA), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)), cùng với cả nước, vùng ĐBSCL đang phát huy những lợi thế vốn có, đẩy nhanh tốc độ phát triển tăng trưởng kinh tế của vùng, xứng tầm là trung tâm sản xuất hàng hóa nông nghiệp lớn nhất cả nước. Đóng góp vào thành công đó, hệ thống khuyến nông đang tích cực phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành nông nghiệp tăng cường công tác thông tin quảng bá, xúc tiến thương mại để giúp nông dân tiếp cận nhanh hơn với các tiến bộ khoa học công nghệ mới, liên kết để phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả■

VŨ BÍCH DƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Cá leo (có tên gọi khác là cá nheo) (*Wallago attu* Bloch & Schneider, 1801) là loài cá nước ngọt có kích thước lớn, tốc độ sinh trưởng nhanh, thịt ngon, được nhiều người ưa thích và có giá trị thương phẩm cao. Cá có tốc độ tăng trưởng nhanh, phát triển tốt khi nuôi trong ao, hồ, lồng, bè, có thể là đối tượng nuôi thay thế cá tra, cá ba sa. Là loài cá dữ, thức ăn của chúng chủ yếu là động vật, trong quá trình nuôi thương phẩm tận dụng nguồn cá tạp làm thức ăn, hệ số chuyển đổi thức ăn 3,5 - 4,0. Ngoài ra, có thể sử dụng thức ăn tự chế với hàm lượng đạm từ 30 - 35%, hệ số chuyển hóa thức ăn 1,7 - 2,2%. Cá leo có sức đề kháng với bệnh tốt, trong quá trình nuôi thương phẩm yêu cầu kỹ thuật nuôi không quá phức tạp, bệnh thường gặp trên cá leo chỉ là các bệnh ký sinh trùng trên da nên rất dễ chữa trị, ít tốn kém và ít rủi ro trong quá trình nuôi. Tỷ lệ sống khá từ 50 - 65%. Hiện nay giá bán trên thị trường từ 120.000 - 130.000 đồng/kg, cao hơn nhiều so với một số đối tượng cá truyền thống.

Được sự hỗ trợ của UBND tỉnh Nghệ An, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Giống thủy sản Nghệ An đã triển khai thành công dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá leo trong lồng bè trên thủy vực lớn tại Nghệ An".

Cụm lồng thiết kế gồm 10 ô lồng cỡ (3 x 3 x 2 m), trong đó có 2 túi lưới dự phòng, phụ trợ công tác kỹ thuật như thay lưới, phân lọc cỡ cá, trị bệnh cá,... Toàn bộ khung lồng được cố định bằng dây neo 4 góc, hệ thống neo này còn có tác dụng tự động nâng khung lồng lên xuống theo sự biến động mực nước hồ chứa. Mặt dưới khung lồng được kê trên hệ thống phao nổi, mặt trên khung lồng được ghép tấm gỗ tạo đường đi.

Túi lưới (lồng nuôi) được làm bằng lưới nilon đường kính 1,5 mm

Một số kết quả bước đầu VỀ NUÔI THƯƠNG PHẨM CÁ LEO TRÊN LỒNG BÈ tại Nghệ An

Kiểm tra cá

dệt không gút có độ bền cao, kích thước mắt lưới 2a = 1,5 cm và được gia cường bằng các dây giềng, 4 góc đáy của túi lưới có 4 dây để buộc chì giúp cho túi lưới luôn được định hình trong nước không bị thu hẹp diện tích và 4 góc trên được buộc cố định vào khung bè. Thể tích ngập nước mỗi ô lồng 10 m^3, tổng thể tích cụm lồng nuôi 100 m^3. Mặt trên lồng được phủ lưới chống cá nhảy ra và cửa để cho cá ăn kích thước 0,6 m^2, nắp lồng làm bằng lưới cước mắt lưới 2a = 2,5 cm .

Sau 2 năm triển khai thực hiện kết quả đạt được như sau:

- Mật độ nuôi: 30 con/m^3, kích cỡ giống: 12,5 - 13,0 cm/con. Cá giống sau khi vận chuyển về được tắm qua nước muối (NaCl) 3% kết hợp với Rifamicine với liều lượng 300 mg/20 lít nước, từ 10 - 15 phút trước khi thả xuống lồng nuôi, tỷ lệ sống sau khi vận chuyển đạt 98% (2.940 con).

- Thức ăn: Sử dụng nguồn cá tạp (cá dầu) khai thác trực tiếp tại hồ, được băm cắt vừa cỡ miệng cá.

- Định kỳ 1 tuần tiến hành vệ sinh lưới lồng, thường xuyên kiểm tra hệ thống lồng nuôi, tình trạng kết cấu của lồng, tình trạng an toàn của lưới lồng: Nếu xảy ra hiện tượng hư hỏng tiến hành sửa chữa và thay thế kịp thời để đảm bảo hệ thống lồng luôn được vận hành tốt nhất.

- Kiểm tra sức khoẻ cá định kỳ 15 ngày/lần bằng cách nhấc nhẹ lưới lồng nuôi kiểm tra những con yếu có dấu hiệu bị bệnh được tắm thuốc và tách nuôi riêng sang lồng khác để chăm sóc, tránh hiện tượng cá bị bệnh lây nhiễm sang cá khoẻ mạnh. Thường xuyên áp dụng công tác phòng bệnh chung: Sử dụng thức ăn đảm bảo chất lượng, số lượng, đảm bảo cho ăn đúng khẩu phần. Định kỳ 15 ngày bổ sung vitamin C nhằm tăng cường sức đề kháng cho cá. Đảm bảo môi trường sống tốt cho cá, dịch chuyển vị trí lồng ra vị trí nước sâu khi môi trường nước xấu. Thường xuyên vệ sinh lồng nuôi hoặc sử dụng các hóa chất, dung dịch khử trùng, sát khuẩn như: Treo túi thuốc tím, túi vôi,… quanh lồng định kỳ 10 - 15 ngày/lần và đặc biệt cần tăng cường thêm vào mùa mưa lũ,…

Sau 18 tháng nuôi cá đạt cỡ thương phẩm thì thu hoạch. Trước ngày thu hoạch ngừng không cho cá ăn. Thao tác thu cá nhẹ nhàng tránh xây xát, làm cá chết ảnh hưởng tới giá trị thương phẩm của cá. Kết quả thu được cụ thể như sau:

Số lượng thả		Số lượng thu		Thức ăn sử dụng (kg)	FCR	Tỷ lệ sống (%)	Năng suất (kg/m^3)
con	kg	con	kg				
2.940	55	1.700	2.840	11.132	3,9	57,8	28,4

Kích cỡ trung bình đạt 1,67 kg/con (lớn nhất đạt 2,1 kg/con, nhỏ nhất đạt 1,34 kg/con).

Từ những kết quả trên, một số hộ nuôi đã tiến hành thử nghiệm nuôi cá leo trong ao đất, sử dụng thức ăn công nghiệp cho cá. Kết quả cho thấy cá lớn nhanh, tiêu thụ khá dễ. Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ đồng ý cho Trung tâm Giống thủy sản Nghệ An du nhập, tuyển chọn và đưa cá leo vào sinh sản nhân tạo năm 2016■

PHAN TIẾN CHƯƠNG
Trung tâm Giống thủy sản Nghệ An

Thăm mô hình nuôi cá leo tại lồng

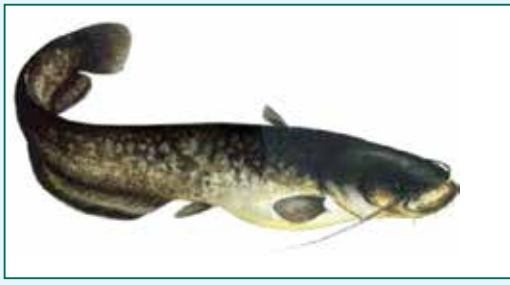

Cá leo

LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN
NHỮNG ĐIỀU CÒN TRĂN TRỞ

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, tại các địa phương, các ban ngành đã triển khai nhiều hoạt động, trong đó vấn đề liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được chú trọng quan tâm nhất hiện nay. Thực tế triển khai, các bên tham gia Nhà nước, nhà doanh nghiệp và nhà nông đã thực sự gặp nhiều khó khăn, còn nhiều điều trăn trở cần được quan tâm, giải quyết. Bắc Kạn là một trong những địa phương như vậy.

Thời gian qua, ngành nông nghiệp Bắc Kạn đã phối hợp với các địa phương để huy động các nguồn lực hỗ trợ người dân phát triển sản xuất. Đến nay, đã phát triển đa dạng các sản phẩm nông nghiệp, bước đầu một số sản phẩm đã trở thành hàng hóa, có thương hiệu và chỉ dẫn địa lý được người tiêu dùng trong và ngoài địa phương biết đến như gạo Bao Thai Chợ Đồn, gạo nếp (Khẩu Nua Lếch) Ngân Sơn, miến dong Bắc Kạn, mía bầu Cao Kỳ, thạch đen Na Rì, cam, quýt Quang Thuận, hồng không hạt,… Diện tích canh tác một số loài cây trồng đặc sản ngày càng mở rộng, tuy nhiên do chưa có tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nên người sản xuất vẫn chưa đầu tư thâm canh, không có quy hoạch, chưa phát huy được tiềm năng năng suất, chất lượng sản phẩm nên hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích chưa cao, điển hình là cam, quýt, hồng không hạt, khoai môn. Một số sản phẩm đã được các doanh nghiệp liên kết bao tiêu sản phẩm thì chưa đáp ứng được về sản lượng do diện tích trồng giống này còn ít và rải rác, như gạo nếp Ngân Sơn (mỗi năm chỉ trồng khoảng 40 ha), hoặc khâu chế biến và bảo quản còn lạc hậu nên chất lượng sản phẩm chưa đảm bảo.

Thêm vào đó là tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu vốn, tập quán canh tác lạc hậu, trình độ học vấn thấp, thiếu kinh nghiệm sản xuất, đặc biệt là năng lực quản lý kinh tế hộ, kinh tế tập thể của nông dân, các tổ, nhóm, hợp tác xã cũng ảnh hưởng rất lớn đến các mô hình liên kết. Người sản xuất lại chưa có thói quen sử dụng thương hiệu sản phẩm nên khó tạo ra sự khác biệt và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Công tác dự báo thị trường còn hạn chế nên thị trường tiêu thụ chưa ổn định; công tác bảo quản sau thu hoạch chưa được quan tâm, chủ yếu làm theo kinh nghiệm nên tổn thất sau thu hoạch lớn cả về số lượng và giá trị.

Tại Diễn đàn "Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại tỉnh Bắc Kạn" được Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn tổ chức ngày 19/12/2015 vừa qua, các đại biểu gồm đại diện Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, lãnh đạo các Sở, ngành, hội, doanh nghiệp các tỉnh Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Cao Bằng, Hòa Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang cùng một số doanh nghiệp, trung tâm xúc tiến thương mại đã trao đổi, thảo luận nhiều điều còn trăn trở, chia sẻ kinh nghiệm, đưa ra giải pháp để thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đạt hiệu quả. Hầu hết ý kiến đều cho rằng, vấn đề quan trọng là phải có quy hoạch chi tiết vùng sản xuất hàng hóa, khâu liên kết sản xuất phải tạo thành tổ nhóm hợp tác, đóng vai trò là cầu nối doanh nghiệp, xúc tiến thương mại và nông dân, minh bạch về tài chính và dân chủ. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách của Nhà nước cần thông thoáng hơn và tạo ra nhiều hỗ trợ cho khối kinh tế hợp tác xã, đặc biệt là hỗ trợ tài chính, đất đai và đào tạo.

Ông Nguyễn Hồng Tuấn - GĐ. Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình chia sẻ kinh nghiệm: Ở Hòa Bình cũng có nhiều đặc sản nổi tiếng như cam Cao Phong, bưởi Tân Lạc, mía tím, tỏi tím, cá sông Đà… nhưng cam Cao Phong là sản phẩm mang về nhiều giá trị nhất cho địa phương. Để đạt được thành công đó, Hòa Bình đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp như xây dựng chương trình trọng điểm dài hạn và ngắn hạn, quy hoạch chi tiết vùng sản xuất từng loài cây trồng đến từng xã, có chính sách hỗ trợ sản xuất

trực tiếp cho nông dân, hỗ trợ chi phí vận chuyển đến nơi tiêu thụ cho doanh nghiệp; công tác quản lý nguồn giống tốt. Đối với hộ sản xuất thì tăng cường áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao chất lượng và số lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; thực hiện sản xuất rải vụ để tăng giá trị thu nhập; tổ chức liên kết, hợp tác sản xuất theo nhóm hộ, câu lạc bộ khuyến nông.

Ở khía cạnh khai thác thị trường, một số doanh nghiệp đều trăn trở không tìm được thị trường tiêu thụ ổn định, khó liên kết được với người sản xuất: Công ty Sản xuất nông sản sạch Tây Bắc cho rằng: Việc sản xuất theo chuỗi còn khó khăn do thị trường tiêu thụ không ổn định, gặp nhiều rủi ro do không thể mua được sản phẩm từ người sản xuất vì thường bị tư thương ép giá hoặc nếu có thì chất lượng sản phẩm lại không đảm bảo do công tác chế biến, bảo quản còn hạn chế. Vậy làm thế nào để doanh nghiệp liên kết được với người sản xuất một cách ổn định? Thiết nghĩ, cần phải có sự tham gia đồng bộ và sát sao của Sở Công thương trong việc tổ chức ký kết hợp đồng với nhóm tổ hợp tác, chính quyền và chi cục quản lý thị trường địa phương nhằm tránh tình trạng doanh nghiệp ép giá.

Trung tâm Xúc tiến thương mại Hà Nội nêu vấn đề: Hiện người nông dân còn thiếu thông tin thị trường, sản xuất tự phát nên chưa có sự kết nối với doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp lại thiếu thông tin về những cơ sở sản xuất tốt, chưa có kế hoạch tuyên truyền giới thiệu sản phẩm, quảng bá thị trường, ép giá người sản xuất. Đối với kênh bán lẻ thì chỉ vì lợi nhuận mà họ sẵn sàng trộn lẫn 2 loại sản phẩm đảm bảo chất lượng và không chất lượng để bán nên đã làm mất lòng tin

Cán bộ khuyến nông hướng dẫn nông dân kỹ thuật chăm sóc và chọn mẫu mã quả tại mô hình thâm canh quýt ngọt xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới, Bắc Kạn

ở người tiêu dùng. Đối với người tiêu dùng thì rất thiếu thông tin để tìm mua sản phẩm chất lượng.

Kết quả từ việc thực hiện mô hình liên kết đã rõ, tuy nhiên vẫn còn nhiều trăn trở trong khâu liên kết để sản xuất nông nghiệp bền vững. Ai tham gia điều phối trong chuỗi liên kết? Sự cam kết của các bên tham gia như thế nào?

Để từng bước tháo gỡ trong chuỗi liên kết, xây dựng và phát triển nền nông nghiệp bền vững, Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn khẳng định: Cần phải cải cách thể chế, đổi mới cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất và quản lý trong nông nghiệp nông thôn; Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, giảm tổn thất sau thu hoạch; Lựa chọn những doanh nghiệp uy tín, có khả năng kết nối với nông dân; Nhà nước giám sát, tác động, hỗ trợ, nhất là thông tin liên kết thị trường vùng, miền và quốc gia. Giai đoạn 2016 - 2020, ngành nông nghiệp Bắc Kạn tập trung phát triển các loài cây đặc sản theo hướng đầu tư quy trình công nghệ chăm sóc, cải tạo 1.000 ha cam, quýt, 500 ha hồng không hạt sản xuất theo hướng VietGAP; Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa; Đẩy mạnh chế biến bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch bằng các hoạt động hỗ trợ công nghệ cao; Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ thông tin, dự báo thị trường, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện liên kết trong sản xuất nông nghiệp nói chung và ở Bắc Kạn nói riêng sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho nông dân và nền kinh tế địa phương. Bởi vậy, Bắc Kạn cần có định hướng quy hoạch vùng sản xuất, khuyến khích các doanh nghiệp và tăng cường tuyên truyền để nông dân cùng tham gia liên kết sản xuất... từ đó góp phần nâng cao giá trị kinh tế cho người nông dân và doanh nghiệp, đồng thời phát huy được tiềm năng, thế mạnh của ngành nông nghiệp tại địa phương■

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Quảng Trị:
NUÔI CÁ LỒNG TRÊN SÔNG Ở HUYỆN HẢI LĂNG

Anh Phạm Văn Thiện kiểm tra lồng nuôi cá chình trên sông của gia đình

Là huyện nông nghiệp vùng trũng có nhiều sông, hồ nên nghề nuôi cá lồng đang là hướng đi mới có hiệu quả, được nhiều hộ nông dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị thực hiện, góp phần tăng thu nhập cho người dân, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Đến nay, toàn huyện đã có trên 120 lồng nuôi cá trên sông, trong đó có hơn 30 lồng nuôi cá chình, số lồng còn lại là nuôi cá trắm cỏ, trê lai, rô phi đơn tính,… tập trung ở các xã Hải Tân, Hải Chánh, Hải Sơn và Hải Trường. Trung bình mỗi mô hình cho thu nhập từ 30 - 70 triệu đồng/vụ nuôi. Tiếp chúng tôi trong căn nhà 2 tầng khang trang với đầy đủ thiết bị, anh Phạm Văn Thiện vui vẻ cho biết: "Tất cả là nhờ con cá chình cả đấy. Mấy năm nay cá chình được giá, được mùa nên bà con chúng tôi mới có cái ăn cái mặc, mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thoát khỏi cảnh hàng ngày lặn mò trên sông". Cơ hội đến với anh vào năm 2006 khi Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Trị thực hiện 2 mô hình nuôi cá chình lồng đầu tiên tại hộ ông Lê Văn Đằng và ông Mai Viết Phú.

Nhận thấy con cá chình rất dễ nuôi, thích nghi được nguồn nước khắc nghiệt, lại có giá bán cao nên anh quyết định đóng lồng nuôi thử. Với 3 lồng nuôi cá chình có thể tích 10 m^3/lồng, thả nuôi hơn 400 con cá chình giống kích cỡ 5 - 10 con/kg. Nuôi cá theo phương thức đánh tỉa thả bù, hàng năm thu hoạch những con đạt cỡ thương phẩm (từ 1,5 kg trở lên) đồng thời thả thêm cá giống để nuôi tiếp. Hiện nay, mỗi lồng nuôi cá chình cho thu hoạch từ 1 - 1,2 tạ cá/năm, giá bán khoảng 500.000 đồng/kg, mỗi năm thu nhập 100 - 150 triệu đồng. Ngoài ra, với mục tiêu lấy ngắn nuôi dài và tận dụng nguồn rong cỏ sẵn có trên dòng sông Ô Giang anh thả nuôi thêm 3 lồng cá trắm cỏ, hàng năm mang về cho gia đình từ 10 - 12 triệu đồng/lồng.

Theo anh Thiện, điểm "ưu việt" của nghề nuôi cá chình lồng là không phải quá lo lắng đến thời tiết. Thông thường, lồng nuôi cá được neo cố định vào hệ thống phao nổi bằng những sợi dây thừng lớn. Vào mùa nắng nóng, lồng được treo cố định. Khi mưa lũ, người nuôi có thể dễ dàng di chuyển lồng vào gần bờ để tránh lũ. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất là nguồn con giống. Hiện nguồn giống cá chình hoàn toàn phụ thuộc vào khai thác ngoài tự nhiên.

Anh Nguyễn Khắc Mạnh, cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Trị cho biết: Để mua được nguồn cá giống đảm bảo chất lượng bà con nên mua cá chình giống cỡ nhỏ (20 - 30 con/kg) đánh bắt theo hình thức cất rớ về ương nuôi.

Hiện nay, trên địa bàn xã Hải Tân có hàng chục hộ tham gia nuôi cá lồng trên sông với khoảng 30 lồng nuôi cá chình, xen kẽ với nuôi cá chình các hộ còn nuôi thêm gần 50 lồng cá trắm cỏ để "lấy ngắn nuôi dài". Việc phát triển nuôi cá lồng đã giúp hàng chục hộ dân sống bằng nghề đánh bắt thủy sản trên sông thoát được cảnh nghèo khó, ổn định cuộc sống.

Ông Đào Văn Trẫm - Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp huyện Hải Lăng cho biết: Thời gian tới, Phòng Nông nghiệp sẽ tham mưu đề xuất Ủy ban Nhân dân huyện Hải Lăng hỗ trợ để nhân rộng mô hình nuôi cá lồng ở các xã có hệ thống sông và hồ chứa nước. Đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nuôi trực tiếp cho các hộ nuôi, nhất là các hộ thuộc diện nghèo và cận nghèo để giúp họ có điều kiện phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống■

THỤC QUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Trị

Lào Cai:

"BẢNG TIN KHUYẾN NÔNG" – HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN ĐẠT HIỆU QUẢ CAO

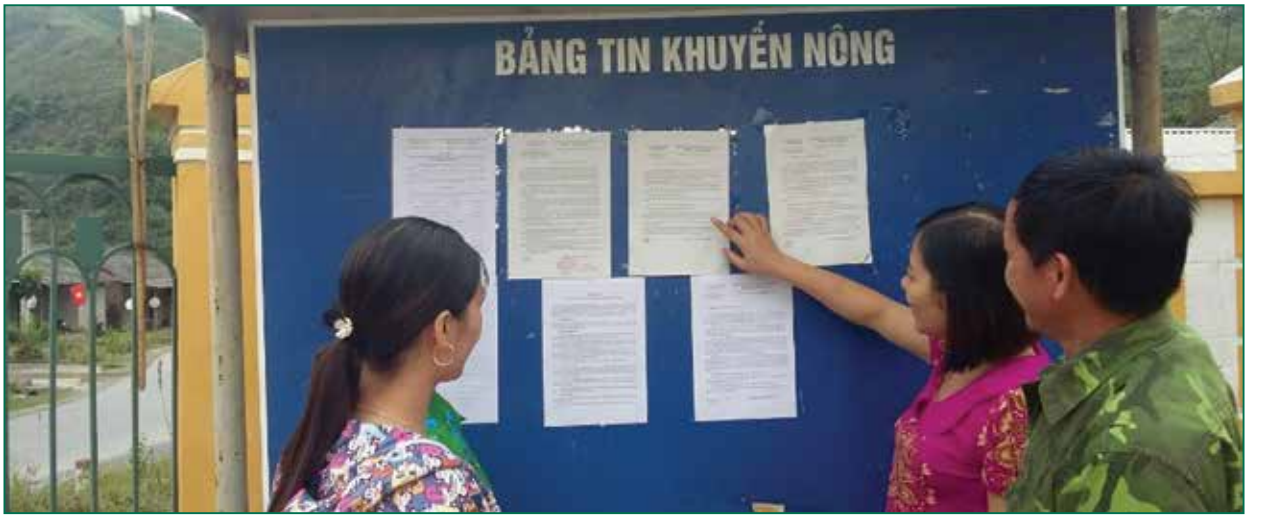

Bà con nông dân xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên cập nhật thông tin mới và trao đổi kinh nghiệm sản xuất thông qua Bảng tin Khuyến nông

Bảo Yên là huyện cửa ngõ phía Đông của tỉnh Lào Cai, toàn huyện có 15 dân tộc cùng sinh sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. So với trước đây, huyện Bảo Yên đang có những chuyển biến tích cực, từ sản xuất tự cung, tự cấp đến nay đã hình thành nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Để sản xuất phát triển và duy trì những sản phẩm nông nghiệp có giá trị và tập trung thành vùng chuyên canh người nông dân cần được cung cấp kiến thức về tiến bộ kỹ thuật, thông tin về thời vụ sản xuất, thị trường,… thông qua nhiều hình thức tuyên truyền. Nhằm đa dạng hóa hình thức tuyên truyền và nâng cao hiệu quả tuyên truyền, từ năm 2010 - 2011 bằng nguồn vốn Chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn, Trung tâm Khuyến nông Lào Cai đã hỗ trợ lắp đặt 14 Bảng tin Khuyến nông tại 14/18 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bảo Yên.

Bảng tin Khuyến nông là một kênh thông tin quan trọng và thiết thực trong công tác chỉ đạo sản xuất tại địa phương theo mùa vụ, từng giai đoạn của cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn kỹ thuật, thông tin giá các loại giống, vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y. Bảng tin còn thường xuyên cập nhật tiến bộ kỹ thuật giúp người dân áp dụng vào sản xuất nông nghiệp một cách hiệu quả và bền vững. Nội dung trên Bảng tin được Trung tâm Khuyến nông Lào Cai cung cấp và hướng dẫn Trạm Khuyến nông huyện Bảo Yên đăng tải, đồng thời có sự thay đổi hàng tuần, phù hợp với tình hình sản xuất của địa phương.

Bảng tin Khuyến nông đã thực sự trở thành một kênh thông tin rất quan trọng gắn liền với tình hình sản xuất hàng ngày của bà con nông dân địa phương, là nơi nông dân gặp gỡ trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất. Từ hiệu quả thiết thực Bảng tin Khuyến nông mang lại, hiện nay nhiều xã trên địa bàn huyện Bảo Yên mong muốn được lắp đặt Bảng tin Khuyến nông đến tận thôn bản mình để cập nhật và trao đổi thông tin thường xuyên hơn.

Thời gian tới, Trạm Khuyến nông huyện Bảo Yên sẽ xây dựng kế hoạch đề nghị Ủy ban Nhân dân huyện hỗ trợ phát triển hệ thống Bảng tin Khuyến nông đến tất cả 18/18 xã, thị trấn và những thôn bản có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn để bà con nông dân có thể cập nhật thông tin tiến bộ kỹ thuật nhanh và chính xác nhất nhằm áp dụng vào sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại địa phương■

NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Trạm Khuyến nông huyện Bảo Yên, Lào Cai

VĨNH LONG:
Thu nhập cao
TỪ NẤM BÀO NGƯ

Giá cả các loại rau màu thường không ổn định, ảnh hưởng rất nhiều đến thu nhập cũng như tâm lý của người dân. Từ đó, việc thay đổi loài cây trồng để có nguồn thu nhập ổn định là rất cần thiết. Nhận thấy nấm bào ngư khá dễ trồng, phù hợp với điều kiện địa phương và khả năng đầu tư của gia đình nên anh Phan Khắc Trung ở ấp Tân Phước, xã Tân Bình, huyện Bình Tân đã đầu tư 9.000 bịch nấm bào ngư trồng theo kiểu chất phôi lên kệ.

Anh cho biết, thấy các loại rau màu tại địa phương luôn trong tình trạng giá cả bấp bênh nên anh tìm đến tỉnh Long An và các vùng lân cận tìm tòi, học hỏi kỹ thuật trồng nấm bào ngư từ bạn bè và các nguồn khác. Khi đã nắm được kiến thức, anh quyết định đầu tư trồng nấm bào ngư xám tại nhà. Các khâu từ xây dựng nhà trồng nấm, xử lý nguyên liệu trồng (mùn cưa) đến khâu giống và chăm sóc được anh Trung thực hiện đúng kỹ thuật nên nấm phát triển khá tốt và ít dịch bệnh.

Anh Trung cho biết, do nấm được trồng trong nhà nên khâu chăm sóc quản lý rất thuận tiện, chỉ cần phun sương bảo đảm độ ẩm và mát giúp nấm phát triển. Lưu ý không tưới thẳng lên bịch phôi mà phun xịt tạo mưa nhẹ từ trên xuống để tạo độ ẩm không khí cần thiết, mỗi ngày tưới 2 - 3 lần sao cho độ ẩm đạt 70 - 75% và nhiệt độ khoảng 27 - 28^{0}C. Sau khi trồng 1,5 - 2 tháng có thể thu hoạch đợt đầu, thời gian cho thu hoạch khoảng 4 - 5 tháng.

Chi phí trung bình một bịch phôi nấm khoảng 4.500 đồng, sau khi trồng sẽ cho thu hoạch ít nhất khoảng 300 g nấm/bịch, với giá bán khoảng 40.000 đồng/kg. Như vậy, với 9.000 bịch meo giống sẽ cho thu lãi gần 70 triệu đồng. Nấm thu hoạch xong là có thể bán ngay cho các đầu mối tại các chợ địa phương, hiện không đủ số lượng cung cấp.

Hiện tại, anh Trung đã mở rộng quy mô thêm 10.000 bịch phôi đang trong quá trình chăm sóc và đầu tư xây dựng thêm nhà trồng nấm quy mô 7.000 bịch phôi theo quy trình kỹ thuật mới. Đồng thời, anh cũng đã tự sản xuất phôi nấm nhằm giảm chi phí và giảm sự phụ thuộc vào nguồn phôi giống bên ngoài. Bên cạnh đó anh cũng cung cấp phôi giống cũng như tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm cho người dân khi có nhu cầu■

MINH LUÂN - BÌNH TÂN
Trạm Khuyến nông huyện Bình Tân, Vĩnh Long

Thừa Thiên Huế:

MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG - ĐÒN BẨY QUAN TRỌNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Với tinh thần chủ động, tích cực đồng hành cùng phong trào xây dựng nông thôn mới, hệ thống khuyến nông huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang phối hợp với các cấp, các ngành, các địa phương và bà con nông dân tập trung mọi nguồn lực, trí tuệ, quyết tâm đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, sản lượng, giá trị thu nhập cho nông dân làm nền tảng vững chắc cho việc hiện thực các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Thông qua các hoạt động đào tạo, xây dựng mô hình trình diễn, công tác khuyến nông Thừa Thiên Huế đã đưa tiến bộ khoa học công nghệ về với bà con nông dân, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập, thoát đói nghèo cho bà con địa phương. Ngay từ khi Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn bắt đầu triển khai, đội ngũ cán bộ khuyến nông huyện Quảng Điền đã xác định rõ trách nhiệm trong việc gắn kết chức năng nhiệm vụ của mình với phong trào xây dựng nông thôn mới. Sau 5 năm (2011 - 2015) thực hiện đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Trạm Khuyến nông huyện đã xây dựng mô hình trình diễn nhằm tuyên truyền, phổ biến tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất cho người dân. Điển hình là mô hình trồng và thâm canh các loại giống lúa chất lượng cao như HN6, TH5, RVT…; trồng thâm canh cây sen; trồng rau an toàn theo hướng VietGAP; mô hình vỗ béo bò; nuôi gà theo hướng an toàn sinh học; nuôi cá diêu hồng trong lồng... Từ năm 2013 đến nay, huyện đã đầu tư hơn 1,2 tỷ đồng để thử nghiệm các mô hình trồng rau mùi sạch, trồng hành lá, trồng lạc giống mới, mô hình làm nấm rơm, mô hình cánh đồng mẫu lúa chất lượng... Các mô được đánh giá đúng năng lực, phù hợp với nhu cầu, điều kiện đất đai, vị trí địa lý của từng xã. Sau khi đưa vào thử nghiệm và cho hiệu quả, các hộ dân trong xã đã nhân rộng mô hình.

Ngoài ra, huyện Quảng Điền cũng đã tranh thủ sự hỗ trợ của các dự án để triển khai nhiều mô hình như: Phục tráng và mở rộng diện tích lúa địa phương (gạo đỏ) tại HTXNN Tam Giang; Mô hình nhân giống lạc mới vụ hè thu tại Quảng Phú; Mô

Sản xuất rau xanh theo hướng VietGAP

hình nuôi trồng nấm sò bằng nguyên liệu mùn cưa tại xã Quảng Phú; Mô hình nuôi thương phẩm cá trắm đen ở xã Quảng Thọ. Các mô hình không chỉ mang lại thu nhập cao cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi mà còn tạo nên sự đồng thuận giữa người dân và chính quyền địa phương.

Bên cạnh đó, thông qua nguồn vốn khuyến nông, huyện đã hỗ trợ người dân 150 triệu đồng xây dựng 20 hầm khí biogas. Chương trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng hầm khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đã góp phần rất lớn trong việc xử lý môi trường ở nông thôn, hạn chế ô nhiễm không khí, môi trường, tăng cường sự đoàn kết gắn bó trong cộng đồng dân cư, cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm thiểu áp lực đối với phụ nữ ở nông thôn... Mặt khác, chương trình cũng góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển, mở rộng quy mô, hạn chế dịch bệnh gia súc, gia cầm, đồng thời tiết kiệm chi phí chất đốt trong sinh hoạt và thay thế một phần nguồn điện thắp sáng.

Với sự chung tay góp sức của công tác khuyến nông, năm 2014 xã Quảng Phú được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới. Xã Quảng Công đang nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ để phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới. Các xã còn lại sẽ nỗ lực phấn đấu đạt chuẩn xã nông mới theo lộ trình đề ra để sớm đạt chuẩn huyện nông thôn mới■

CÔNG CƯỜNG

Đài TT huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Lâm Đồng:
HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH ĐA CÂY

Được sự giới thiệu của anh Trần Văn Thái, khuyến nông viên xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi ghé thăm gia đình anh Vũ Văn Tuyên ở thôn Liên Kết, xã Liên Hà. Nổi tiếng với biệt danh là người tiên phong trồng những giống cây mới và nắm bắt được thời cơ, do đó gia đình anh luôn gặp thuận lợi về giá cả đối với các sản phẩm nông sản.

Năm 1990, từ Hải Dương ra đi lập nghiệp, lúc đầu gia đình anh vào Đồng Nai sinh sống, sau đó lên huyện Bảo Lộc, Lâm Đồng. Đến năm 1998, gia đình anh đến vùng đất Liên Hà, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng, thấy điều kiện về đất đai, khí hậu thuận lợi, anh đã xác định vùng đất này là quê hương thứ hai để gia đình anh "an cư lạc nghiệp".

Với bản tính ham mê học hỏi nên đi đến đâu có cái gì mới anh đều quan tâm. Năm 2005, lúc bấy giờ nghề trồng dâu nuôi tằm đang bên bờ vực thẳm nhưng anh lại có suy nghĩ rất lạc quan: "Thời điểm này dâu tằm mất giá, bà con nông dân phá dâu và bỏ nghề nuôi tằm, đến lúc người dân không còn nghề này nữa thì việc trồng dâu, nuôi tằm chắc chắn sẽ dần khôi phục". Từ suy nghĩ đó, năm 2005, anh bắt tay vào trồng dâu trên 5.000 m^2 đất, mỗi tháng nuôi 2 - 3 hộp tằm. Dần dần nâng diện tích trồng dâu lên 7.000 m^2, rồi lên 1,4 ha, nhân nuôi từ 5 - 6 hộp tằm lên 10 - 12 hộp tằm mỗi tháng. Giá bán kén trong thời điểm gia đình anh nuôi luôn dao động từ 90.000 - 130.000 đồng/kg, trung bình mỗi hộp kén đạt 50 - 60 kg, trừ chi phí, mỗi tháng thu nhập từ trồng dâu, nuôi tằm mang lại cho gia đình anh không dưới 50 triệu đồng.

Anh Vũ Văn Tuyên trong vườn nhà

Ngoài trồng dâu nuôi tằm, gia đình anh còn trồng 2,2 ha cà phê, mỗi năm thu 9 tấn cà phê nhân. Trong vườn cà phê, anh trồng xen 50 cây bơ, giống bơ trái vụ, cho thu hoạch trước mùa vụ khoảng 1 - 1,5 tháng và thu một đợt vào dịp Tết, khi bơ của gia đình anh bán hết thì bơ của người dân ở đây mới vào vụ. Mỗi năm gia đình anh thu hoạch trên 7 tấn bơ, với giá bán trung bình 22.000 - 25.000 đồng/kg, anh thu về hơn 150 triệu đồng.

Bên cạnh đó, anh còn 7.000 m^2 đất trồng xen cây bơ ghép với tiêu và cà phê ghép. Tận dụng thời gian cây bơ, tiêu và cà phê còn nhỏ, anh trồng cây chanh dây, với mục đích làm cây che bóng khi các loại cây này còn nhỏ, đồng thời tăng thu nhập cho gia đình. Thời điểm chúng tôi ghé thăm, vườn chanh dây của gia đình anh đã thu hoạch được 2 tháng, thu hơn 10 tấn quả, với giá bán trung bình 15.000 đồng/kg, có khi lên đến 20.000 đồng/kg, thu nhập hơn 150 triệu đồng, dự tính vụ chanh sắp tới anh sẽ thu hoạch thêm khoảng 10 tấn quả.

Được anh dẫn ra xem vườn, chúng tôi không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy giàn chanh dây sai trĩu quả, quả nào quả nấy căng bóng chỉ đợi đến ngày thu hoạch. Cây cà phê ghép đã cho trái năm thứ 2, cây bơ và tiêu phát triển xanh tốt… nhìn như một bức tranh. Tôi hỏi anh có bí quyết gì không, anh cười cho biết: "Bí quyết là sự cần cù và chịu khó học hỏi, cái gì biết thì chia sẻ với bà con lối xóm, cái gì không biết thì phải học hỏi, thấy cái gì hay, mới lạ phải tìm tòi nghiên cứu, từ đó sẽ đúc rút được nhiều kinh nghiệm để áp dụng vào sản xuất".

Không những trồng cà phê, trồng dâu nuôi tằm, những năm trước đây gia đình anh còn nuôi gà, heo và trồng đủ loại cây trồng để tận dụng mọi nguồn thu nhập. Đến thời điểm này, nghề trồng dâu nuôi tằm đang lan rộng trong dân, giá kén không còn cao và ổn định như trước, vườn dâu đã già cỗi, anh quyết định chuyển diện tích trồng dâu sang trồng giống cam Đường Canh, trồng mới 170 cây bơ ghép (giống bơ Booth). Sản phẩm của hai loại cây trồng này hiện nay trên thị trường còn hạn chế, trong khi nhu cầu của người tiêu dùng rất lớn. Với suy nghĩ đi tắt đón đầu, nắm bắt thời cơ, anh đã mạnh dạn đưa giống cam Đường Canh (ở tỉnh Hưng Yên) và giống bơ Booth vào trồng thử nghiệm tại huyện Lâm Hà. Với kinh nghiệm của mình, anh nghĩ trong vài năm tới, 2 giống cây này sẽ mang lại thu nhập lớn cho gia đình anh.

Với thu nhập bình quân mỗi năm lên đến trên 750 triệu đồng từ các loại cây trồng trong vườn, có thể khẳng định đây là mô hình đa cây rất hiệu quả. Việc nhân rộng mô hình này trên địa bàn các thôn, xã và các địa bàn lân cận sẽ mở ra một hướng đi mới cho bà con nông dân trong chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi góp phần nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương■

VĂN THỌ - THANH PHƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng

TỶ PHÚ CHĂN NUÔI LỢN THỊT VÙNG CAO TÂY BẮC

Hiện nay, phong trào nông dân sản xuất giỏi ở tỉnh Điện Biên phát triển mạnh, lan rộng tới các bản làng vùng cao Mường Nhé, đã có nhiều nông dân trở thành tỷ phú. Điển hình như nông dân Nguyễn Thị Chi ở bản Co Lót, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, chị là tấm gương sản xuất giỏi để bà con noi theo và nhân rộng.

Chị Nguyễn Thị Chi cho biết, năm 2003 vợ chồng anh chị quyết định lên Tây Bắc lập nghiệp, thời gian đầu còn nhiều bỡ ngỡ, chồng đi bán kem, vợ thu mua ve chai. Sau thời gian tích lũy được ít vốn, vợ chồng chị đã mua được lô đất rộng 1.000 m^2 tại bản Co Lót, xã Mường Nhé. Tại đây, anh chị mở cửa hàng tạp hóa nhỏ phục vụ bà con dân bản. Bên cạnh đó, gia đình chị còn thu mua thóc, ngô, khoai… và bắt đầu chăn nuôi lợn.

Với bản tính cần cù chịu khó, năm 2010, khi có nguồn vốn khá, gia đình chị đầu tư xây trang trại để nuôi lợn. Trải qua nhiều thăng trầm, giá cả không ổn định, dịch bệnh hoành hành nhưng đàn lợn của chị năm sau luôn tăng hơn năm trước. Đến nay, trang trại lợn có diện tích gần 500 m^2, với hơn 200 con lợn, chủ yếu là lợn thịt. Trong quá trình chăn nuôi, gia đình chị cũng gặp nhiều rủi ro như dịch bệnh xảy ra, có lứa phải chịu thua lỗ hàng trăm triệu đồng. Tuy vậy, gia đình chị không hề chán nản, mỗi lần thất bại là một lần giúp chị có được bài học kinh nghiệm để chăn nuôi đạt hiệu quả cao hơn.

Chị Nguyễn Thị Chi chăm sóc đàn lợn của gia đình

Chị Nguyễn Thị Chi thường xuyên nắm bắt được tiến bộ kỹ thuật nhờ tham dự các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật về chăn nuôi, đồng thời chịu khó nghiên cứu sách báo, xem truyền hình và nghe đài, kết hợp tham quan các mô hình chăn nuôi lợn tiên tiến do Hội Nông dân xã, huyện Mường Nhé tổ chức. Những năm gần đây, gia đình chị nuôi gối lợn, lứa này nối tiếp lứa kia, đảm bảo trung bình sau 2 tháng nuôi sẽ xuất chuồng 50 - 60 con lợn thịt. Mỗi năm, trại lợn của chị Chi đã cung cấp cho thị trường trên 30 tấn lợn thịt, thu nhập khoảng 800 triệu đồng, trừ chi phí gia đình chị thu lãi khoảng 250 triệu đồng.

Chị Chi chia sẻ kinh nghiệm, người nuôi lợn phải nắm chắc kỹ thuật, phòng bệnh là quan trọng nhất. Đồng thời phải tiêm ngừa vắc-xin, vệ sinh sát trùng khu chuồng trại chăn nuôi để tránh đàn lợn mắc dịch bệnh. Để giữ vững thương hiệu đàn lợn thương phẩm, sử dụng thức ăn chủ yếu là cám ngô, cám gạo kết hợp cám Con cò.

Không chỉ làm giàu cho gia đình, chị còn là người có công lớn trong việc gây dựng phong trào chăn nuôi lợn hiệu quả ở bản Co Lót và các bản lân cận xã Mường Nhé. Chị Chi đã vận động nhiều hộ dân trong thôn bản cùng xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn đảm bảo kỹ thuật. Việc thực hiện thành công trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm theo quy trình khép kín này đáng để cho nhiều hộ dân học tập và làm theo.

Với ý chí làm giàu từ chăn nuôi lợn thịt cung cấp cho địa bàn huyện Mường Nhé, hiện nay gia đình chị Nguyễn Thị Chi đã có thu nhập ổn định. Chị xứng đáng là tấm gương sáng về nghị lực vươn lên vượt khó và làm giàu ngay trên mảnh đất vùng cao Tây Bắc■

HOÀNG KHẮC TÂN
Trung tâm Khuyến nông Điện Biên

LÀO CAI:
CHỊ *Giàng Thị Coi*
NUÔI CÁ THOÁT NGHÈO

Là hộ nuôi cá đã nhiều năm, gia đình chị Giàng Thị Coi ở thôn Sín Chải, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai đã có của ăn của để, chị đã trở thành chủ nhân của trang trại nuôi cá rô phi đơn tính có một không hai của xã Bản Mế.

Trước đây gia đình chị nuôi cá rô phi đơn tính, do chưa có kinh nghiệm, còn nuôi theo phương thức truyền thống với mục đích chủ yếu là cải thiện cuộc sống gia đình nên hiệu quả chưa cao. Từ khi được cán bộ khuyến nông, Hội Phụ nữ xã tuyên truyền, vận động về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chị nhận thấy mấy tràn ruộng trước nhà nếu trồng lúa thì cũng chỉ đủ ăn, nhưng nếu đầu tư vào đào ao thả cá sẽ cho thu nhập cao hơn.

Nghĩ là làm, chị bàn với chồng vay mượn thêm để đầu tư đào ao nuôi cá. Với diện tích ao rộng trên 800 m^2, nuôi các loài cá trắm, chép, rô phi. Để nâng cao hiệu quả sản xuất, chị Coi đã học hỏi thêm kinh nghiệm ở một số hộ dân của xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Chị vừa làm, vừa tích lũy kinh nghiệm và tích cực nghiên cứu tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi và chăm sóc cá, dần dần ao nuôi cá đã đem lại nguồn thu lớn cho gia đình chị.

Năm 2007, gia đình chị tập trung thả cá rô phi đơn tính, đây là loài cá dễ nuôi, tốc độ sinh trưởng nhanh, ít bị dịch bệnh, cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Do cá nuôi trong ao có lượng nước ra vào thường xuyên, nguồn nước sạch nên chất lượng thịt cá thơm ngon, được thị trường ưa chuộng. Giá bán trung bình từ 40.000 - 50.000 đồng/kg, trừ chi phí gia đình chị thu về 80 - 90 triệu đồng. Ngoài nuôi cá, gia đình chị đầu tư nuôi thêm 10 con trâu, 10 - 15 con lợn thịt và nuôi thêm gà, vịt để cải thiện cuộc sống và tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Chị Giàng Thị Coi bên ao cá của gia đình

Hiện nay, chị luôn duy trì 4 ao nuôi cá với diện tích gần 2.000 m^2, ngoài nuôi cá rô phi đơn tính còn thả nuôi thêm cá chép lai, cá trắm cỏ với mật độ phù hợp để đa dạng hóa sản phẩm cá của gia đình. Thời gian tới, gia đình chị sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng diện tích ao để thả nuôi thêm một số loài cá khác nhằm đa dạng về chủng loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân địa phương■

NGUYỄN NGỌC THỦY
Trạm Khuyến nông huyện Si Ma Cai, Lào Cai

Hòa Bình: Tỷ phú NHỜ TRỒNG CAM, QUÝT

Theo chân Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh đến thăm vùng trồng cam Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, chúng tôi đã có dịp được mãn nhãn. Điển hình là vườn cam của gia đình anh Bùi Việt Bách với gần 20 ha cam, quýt các loại như: Cam lòng vàng CS1, V2, cam canh, quýt Ôn Châu.

Mỗi năm gia đình anh Bùi Việt Bách ở khu 3, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cho thu nhập tiền tỷ và giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại địa phương với mức lương 3 - 4 triệu đồng/người/tháng. Anh Bách xuất thân trong một gia đình nghèo khó, tốt nghiệp cấp 3, anh đi làm thuê với đủ thứ nghề rồi quay sang học lái xe và làm nghề được 7 năm rồi đi xuất khẩu lao động. Thời điểm đó, tại địa phương có rất nhiều người đi xuất khẩu lao động tại các nước Malaysia, Hàn Quốc, Ả Rập… Tuy nhiên, để sang được các nước này cần một khoản tiền rất lớn, trong khi đó gia đình anh Bách còn nghèo khó. Thấy bố mẹ đi vay mượn khắp nơi mà vẫn chưa đủ tiền hoàn thiện hồ sơ, vả lại nơi "đất khách quê người" không biết thế nào nên anh Bách cũng rất trăn trở.

Một quyết định vào phút chót đã làm thay đổi cuộc đời anh Bách. Đó là khi đang làm hồ sơ, tình cờ anh được đến thăm Công ty Rau quả và Nông sản Cao Phong, được các anh chị giới thiệu và hướng dẫn mô hình trồng cam mang lại hiệu quả kinh tế cao. Anh Bùi Việt Bách nghĩ chỉ cần đầu tư số vốn nhỏ để cải tạo đất trồng cam trên mảnh đất của gia đình, với cách "lấy ngắn nuôi dài". Anh Bách quyết định không đi xuất khẩu lao động mà ở lại quê hương lập nghiệp với mô hình trồng cam.

Năm 2004, anh bắt đầu cải tạo 2 ha đất đồi để trồng cam. Lúc đó anh chủ yếu trồng giống cam Xã Đoài và cam Canh. Được sự hướng dẫn kỹ thuật của cán bộ Công ty Rau quả và Nông sản Cao Phong nên anh đã nắm bắt được kỹ thuật trồng và chăm sóc cam. Ngoài việc trồng cam, anh Bách còn tận dụng đất để trồng xen cây mía trắng nên đã giúp gia đình tăng thêm thu nhập. Qua thời gian, cây cam đã không phụ công người chăm sóc. Sau 3 năm trồng, vườn cam của gia đình anh đã cho thu hoạch gần 50 tấn cam, trừ chi phí cho lãi vài trăm triệu đồng.

Nhận thấy cây cam đem lại nguồn thu nhập cao và có thị trường tiêu thụ mạnh, anh Bách tiếp tục đầu tư mở rộng diện tích trồng cam. Đến nay, tổng số diện tích trồng cam của gia đình anh đã lên đến gần 20 ha cam. Song song với mở rộng diện tích anh trồng thêm cam V2 và quýt Ôn Châu.

Anh Bách chia sẻ, cây cam là loại cây khó tính, đòi hỏi người trồng phải cần mẫn và chăm chỉ. Đặc biệt là phải nắm chắc kỹ thuật trồng từ lúc cây non đến thời kỳ cây cho thu hoạch quả. Chính vì vậy, vườn cây của gia đình lúc nào cũng trĩu quả, quả to, thơm ngon và được giá.

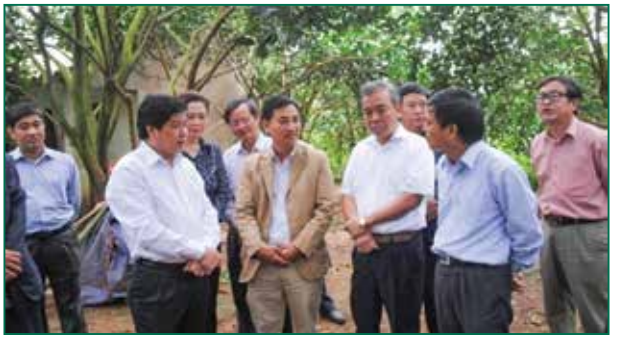

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh (người ngoài cùng bên trái) trao đổi với anh Bùi Việt Bách (người mặc áo vàng) tại vườn cam của gia đình

Năm 2014, gia đình anh thu hoạch 180 tấn cam, quýt gồm 120 tấn cam lòng vàng, giá bán từ 19.000 - 22.000 đồng/kg; cam V2, giá bán 48.000 - 50.000 đồng/kg; cam canh, giá bán 33.000 - 35.000 đồng/kg. Và năm 2015 cho thu nhập hơn 300 tấn quả, thu về khoảng 4,5 tỷ đồng.

Anh Bùi Việt Bách - Chàng thanh niên "sinh ra từ làng" (nhân vật trong một phóng sự của kênh truyền hình VTC16) là người thanh niên năng động, dám nghĩ, dám làm, là tấm gương trẻ làm kinh tế giỏi. Anh luôn nhiệt tình, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn bà con trong vùng trồng cam, nhiều đoàn nông dân các địa phương cũng đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm.

Có thể nói những hộ trồng cam tại huyện Cao Phong được biết đến là những tỷ phú nông dân. Mô hình trồng cam, quýt của anh Bùi Việt Bách đã và đang đem lại hiệu quả kinh tế cao tại địa phương. Anh được mọi người biết đến là một trong những "tỷ phú nông dân trẻ" có mức doanh thu hàng tỷ đồng mỗi năm■

ĐÌNH THỦY
Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

Quảng Nam:
CHỦ NHIỆM HỢP TÁC XÃ
KHỞI NGHIỆP VỚI BA TRĂM NGHÌN ĐỒNG

Lần đầu gặp Chủ nhiệm Hợp tác xã (HTX) Sản xuất, Chế biến và Tiêu thụ nấm Nhì Tây, chúng tôi không khỏi bỡ ngỡ vì chị còn khá trẻ. Năm nay, chị Nguyễn Thị Minh Thủy ở thôn Nhì Tây, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam mới 30 tuổi nhưng đã sáng lập ra HTX chuyên sản xuất, chế biến và tiêu thụ các loại nấm ăn và nấm dược liệu.

Năm 2008, chị Thủy tốt nghiệp Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm Đà Nẵng với chuyên ngành Công nghệ thực phẩm. Tuy nhiên, sau 2 năm ra trường, đi từ Nam ra Bắc, làm việc tại nhiều công ty khác nhau, kể cả cơ quan nhà nước, chị đều từ bỏ vì không tìm được tiếng nói chung trong công việc.

Năm 2010, chị về quê và quyết định khởi nghiệp với nghề trồng nấm. Lúc khởi nghiệp chị chỉ có 300.000 đồng tiền vốn. Chị Thủy cho biết: "Trong thời gian bôn ba tìm việc, tôi đã góp nhặt kinh nghiệm trồng nấm từ khắp nơi và quyết định về quê trồng thử nghiệm nấm sò trên diện tích nền 400 m^2. Vì không có vốn trong tay nên hầu như tất cả nguyên liệu tôi đều mua nợ. Khi thu hoạch nấm, tôi trả nợ dần và nhen nhóm ý định trồng thêm các loại nấm khác". Năm 2011, chị mở thêm 600 m^2 trồng nấm linh chi và mộc nhĩ. Năm 2014, chị thành lập HTX Sản xuất Chế biến và Tiêu thụ nấm Nhì Tây với 9 hội viên tham gia. Hiện tại, HTX của chị chuyên gia công bịch phôi trồng nấm cung cấp cho các hội viên và những hộ trồng nấm gần xa đặt hàng. Trung bình mỗi tháng chị cung cấp trên 10.000 bịch phôi đến các hộ trồng nấm, trong đó 6.000 bịch phôi nấm sò với giá 6.000 đồng/bịch, 2.000 bịch phôi nấm linh chi với giá 8.000 đồng/bịch và 2.000 bịch phôi mộc nhĩ với giá 5.000 đồng/bịch. Sau khi trừ các chi phí, mỗi tháng chị thu về gần 15 triệu đồng từ tiền bán phôi nấm.

Ngoài ra, mỗi ngày HTX của chị bán ra thị trường khoảng 50 kg nấm sò với giá 25.000 đồng/kg. Riêng ngày rằm, mùng 1, lượng nấm bán ra từ 120 - 150 kg với giá 45.000 - 55.000 đồng/kg. Mỗi năm, HTX còn thu hoạch khoảng 60 kg nấm linh chi khô, với giá bán bình quân 700.000 - 800.000 đồng/kg, 150 kg nấm mộc nhĩ, với giá bán trung bình 90.000 - 100.000 đồng/kg. HTX cũng cung cấp tất cả các nguyên liệu đầu vào để làm nấm như mùn cưa, bao bì, bông, bột $CaCO_3$... khi các hộ và cơ sở sản xuất nấm đặt hàng.

Khi sản phẩm nấm trên thị trường bắt đầu dồi dào, chị lại nghiên cứu nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng để tìm đầu ra cho sản phẩm. Để giữ sản phẩm được lâu và đảm bảo chất lượng sau thu hái, chị mua 3 tủ mát để bảo quản nấm, 1 máy hút chân không, 1 máy sấy và 1 xe tải nhỏ để vận chuyển nấm đến nơi tiêu thụ... Riêng nấm linh chi, HTX còn chế biến thành trà, rượu nấm linh chi. Các sản phẩm nấm của HTX được tiêu thụ chủ yếu tại các chợ trên địa bàn huyện Hiệp Đức và các huyện lân cận như Thăng Bình, Quế Sơn, Duy Xuyên...; các quán ăn, chợ đầu mối tại thành phố Đà Nẵng. Nấm sấy khô, trà nấm, rượu nấm được tiêu thụ tại các cơ sở bán dược liệu, hội chợ...

Tháng 8/2015, chị Thủy đã đến thành phố Huế tìm hiểu và ký kết hợp đồng bán các sản phẩm nấm của mình cho một cơ sở chế biến nấm tại đây. Đây là tín hiệu vui để chị tiếp tục mở rộng cơ sở sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm■

VÕ THỊ NHUNG
Trung tâm KNKN Quảng Nam

PHÒNG CHỐNG RÉT CHO CÁ TRONG MÙA LẠNH

Rét đậm, rét hại dài ngày làm cho nhiều loài cá, tôm bị chết, làm giảm cả năng suất và sản lượng, ảnh hưởng không nhỏ đến người nuôi lẫn chỉ tiêu của ngành thủy sản.

Các loài cá mè, trôi, trắm, chép, ếch đồng, ba ba trơn chỉ thích ứng tốt với điều kiện nhiệt đới, thường từ 25 - 30^{0}C. Ở nhiệt độ 10 - 20^{0}C, cá chỉ tồn tại được trong thời gian ngắn, nếu kéo dài trong ao nước nông, không kín gió, cá sẽ bị chết do rét.

Cá chim trắng, rô phi, ếch Thái Lan là những giống ngoại nhập, chịu được nhiệt độ thấp. Nhưng nếu trời rét kéo dài 6 - 7 ngày ở nhiệt độ 8 - 10^{0}C, cá sẽ chết nhanh hơn các loài thuỷ sản khác. Để chống rét, cá rúc đầu xuống bùn, nấm thuỷ my phát triển ăn kín vào mang làm cá bị ngạt thở chết và rất nhiều chứng bệnh khác phát sinh… Để hạn chế thiệt hại do thời tiết lạnh giá gây ra, xin giới thiệu với bà con một số biện pháp phòng chống rét cho các loài thủy sản.

Với đàn cá giống đang lưu giữ:

Thả bèo 2/3 ao về phía Bắc để chắn gió, góc ao để những sọt rơm, rạ cho cá trú đông. Riêng với cá chim trắng, cá rô phi, ếch Thái Lan bà con cần quan tâm nhiều hơn. Độ sâu nước ao tối thiểu 2 m, kín gió, ở các góc ao thả xuống những bó rơm rạ hoặc các túm bao tải dứa, ống nhựa để cá trú đông. Trên mặt ao thả 2/3 bèo tây để chắn gió hoặc xếp gạch xung quanh bằng mặt đáy ao, khi nhiệt độ 8 - 10^{0}C cá sẽ xuống đó trú ẩn.

Với ếch:

Làm hang cho ếch trú ẩn, hang làm bằng đất hoặc bằng các ống nhựa, ống tre, có một đầu rỗng, các ống này dài 0,5 - 0,6 m, đường kính 0,15 - 0,16 m, bó thành từng bó 5 - 6 cái cho ếch chui vào trú, ống đặt ở góc hoặc thành bờ ao, trên ống dùng rơm rạ phủ để chắn gió cho ếch.

Với các loài thủy sản nuôi thương phẩm:

Che kín ao bằng bạt nilon, lá dừa… để tránh gió lùa đưa không khí lạnh vào làm nhiệt độ nước giảm thấp. Khi trời rét đậm dùng tre làm giàn trên mặt ao, bể che phủ kín bằng bạt nilon để tăng khả năng giữ nhiệt độ. Dưới ao bơm nước sâu 1,4 - 1,5 m. Mặt ao thả bèo tây, khoảng 2/3 diện tích ao về phía Bắc để chắn gió.

Làm sọt tránh rét: Tạo một góc ao sâu về phía Bắc, dùng các sọt đan bằng tre, lấy rơm rạ dùng nước vôi phun vào sát trùng, phơi thật khô ấn đầy vào sọt, cắm cọc đơm sọt xuống đáy ao. Lúc trời rét cá, lươn… chui vào sọt tránh rét. Thường xuyên bơm nước giữ ở mức trên 2 m cũng có tác dụng chống rét.

Xung quanh ao, bể nuôi cũng phải che kín bằng bạt nilon, lá dừa… Mặt ao, bể nuôi thả bèo tây chiếm 2/3 diện tích về phía hướng gió. Dùng lá dừa khô tạo thành những ụ ở những chỗ ếch thường nằm để ếch vào tránh rét.

Chế độ chăm sóc: Cần có chế độ chăm sóc thật đặc biệt, ngoài việc theo dõi còn phải cho ăn bằng thức ăn đủ chất dinh dưỡng hoặc thức ăn công nghiệp chất lượng cao hoặc bổ sung vitamin C vào khẩu phần ăn để tăng sức đề kháng bệnh tật cũng như khả năng chịu rét cho các loài cá.

Lưu ý: Hằng năm, khi thời tiết thay đổi từ mùa đông sang mùa xuân, hoặc từ mùa thu sang mùa đông, cá dễ bị bệnh nên cần phải cho ăn thuốc phòng bệnh loại thuốc Tiên Đắc I có bán ở các cơ sở trạm, trại cá với liều lượng 10 g thuốc trộn với thức ăn là cám, gạo, bột mì nấu chín cho 50 kg cá trong ao, cho ăn liên tục 2 - 3 ngày liền, cá sẽ chống được bệnh, nhất là bệnh đốm đỏ ở cá trong mùa xuân. Ngoài cho ăn thuốc phòng bệnh, trong các tháng 2, tháng 3 cần dùng vôi bột rắc xung quanh ao và giữa ao với lượng 5 - 7 kg/sào, nếu không có vôi có thể dùng tro bếp rắc khắp ao với lượng 8 - 10 kg/sào. Dọn sạch cỏ, rác, thức ăn thừa ở nơi cho cá ăn, dùng vôi bột và đồng sulphat cho vào túi vải treo ở nơi cho cá ăn để diệt trùng và nấm gây bệnh cho cá phát triển đầu vụ xuân. Tất cả các biện pháp trên nhằm phòng bệnh cho cá là chính, không để bệnh cá xảy ra. Nếu bệnh cá xuất hiện thì phải cách ly sớm những con bị bệnh để chữa trị, tránh lây lan sang đàn cá trong ao■

TTKNQG

QUY TRÌNH KỸ THUẬT
TRỒNG THÂM CANH MÍA ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Mô hình trồng lạc xen mía tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

I. CHUẨN BỊ ĐẤT TRỒNG

1. Chọn đất

Cây mía không yêu cầu khắt khe về đất, tuy nhiên để thâm canh đạt năng suất cao, yêu cầu đất có tầng canh tác sâu, tơi xốp, giàu dinh dưỡng, pH trung tính, thoát nước tốt, độ dốc < 10^0.

2. Làm đất

- Đất bãi và đất ruộng: Cày sâu 30 - 35 cm và bừa 2 - 3 lần, rạch hàng 1 lần sâu 25 - 30 cm.

- Đất đồi: Thiết kế hàng mía theo đường đồng mức (nơi có điều kiện áp dụng cày không lật với độ sâu 40 - 50 cm); làm đất trước khi trồng 40 - 60 ngày để phơi ải, diệt trừ nguồn sâu bệnh.

- Đất trũng vùng đồng bằng sông Cửu Long phải lên líp (liếp) rộng 6,0 - 20 m, cao 25 - 35 cm. Rãnh trồng sâu 20-25 cm, đáy rãnh phủ lớp đất xốp dày 5 - 10 cm. Đất bị nhiễm phèn thì liếp rộng 4,5 - 5 m, cao 25 - 35 cm. Đáy rãnh phủ lớp đất xốp dày 5 - 10 cm.

Cần thiết kế hệ thống tưới tiêu nước để kịp thời thoát nước mùa mưa và tưới bổ sung khi gặp khô hạn.

II. CHUẨN BỊ GIỐNG

1. Giống mía

Bộ giống mía khuyến cáo nên áp dụng cho các vùng như sau:

TT	Vùng	Tên giống mía
1	Vùng núi phía Bắc	Chín sớm: VĐ93-159, QĐ94-119, ROC16, ROC22, Chín trung bình: ROC10, ROC22, VĐ00-236 Chín muộn: ROC22, My55-14
3	Vùng Bắc Trung bộ	Chín sớm: VĐ93-159, ROC16, QĐ94-119 Chín trung bình: ROC10, VĐ55 Chín muộn: ROC22, My55-14
2	Tây Nguyên	Chín sớm: VN84-4137, VĐ93-159, K83-29 Chín trung bình: Suphanburi 7, LK92-11, K84-200 Chín muộn: K88-92, K95-156, My55-14
4	Duyên hải Nam Trung bộ	Chín sớm: VN84-4137, R579, K83-29 Chín trung bình: Suphanburi 7, K95-84, K84-200 Chín muộn: K88-92, K95-156
5	Đông Nam bộ	Chín sớm: VN84-4137, R579, K83-29 Chín trung bình: K93-219, K95-84, LK92-11 Chín muộn: K88-92, K95-156
6	Tây Nam bộ	Chín sớm: KK2, VĐ93-159, ROC16, VN84-4137 Chín trung bình: K84-200, K95-84, K95-156, ROC10, ROC22, Suphanburi 7, LK92-11, K93-219 Chín muộn: K88-92, K95-156

Tùy điều kiện đất đai từng vùng và nhu cầu nguyên liệu cụ thể cho từng nhà máy để bố trí tỷ lệ các nhóm giống chín sớm, chín trung bình và chín muộn cho phù hợp.

2. Chuẩn bị mía giống

- Hom mía giống phải đạt các yêu cầu sau:

+ Có 2 - 3 mắt mầm tốt (mầm phía ngọn có đầy đủ bộ phận, có sắc tố đặc trưng; mầm phía gốc có vảy mầm chưa hóa gỗ; mắt mầm không bị khô hoặc xây xát, dập nát), tỷ lệ rễ khí sinh dưới 10% số điểm rễ.

+ Không bị nhiễm sâu bệnh.

+ Có đường kính đạt trên 80% đường kính thân đặc trưng của giống và độ dài lóng không dài hoặc ngắn hơn quá 20% độ dài đặc trưng của giống.

- Nếu có điều kiện hoặc ở trình độ thâm canh cao, có thể sử dụng cây giống nuôi cấy mô hoặc bầu hom 1 mầm để trồng.

III. CÁCH TRỒNG

1. Thời vụ

Vùng	Vụ trồng chính	Vụ trồng phụ
Trung du miền núi phía Bắc	1/1 - 30/4	1/9 - 30/11
Bắc Trung bộ (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh)	1/1 - 30/4	1/10 - 15/12
Duyên hải miền Trung (từ Đà Nẵng đến Bình Thuận)	1/1 - 1/3	1/6 - 30/8
Tây Nguyên	1/10 - 30/11	1/5 - 30/6
Đông Nam bộ	15/10 - 30/12	15/4 - 15/6
Tây Nam bộ	1/4 - 30/6	15/11 - 30/1

2. Mật độ và cách trồng

- *Mật độ:* Tùy điều kiện đất đai và loại giống mía, trồng từ 35.000 - 40.000 hom/ha (mỗi hom có 3 mắt), tương đương 8 - 10 tấn giống/ha.

- *Khoảng cách hàng:* Khoảng cách hàng đơn từ 0,8 - 1,2 m (canh tác thủ công), hoặc hàng kép từ 1,2 - 1,8 m x 0,6 - 0,4 m (canh tác bằng máy).

- *Cách trồng:* Đặt hom theo rãnh hàng đơn cách nhau 1 m hoặc hàng kép 1,4 m, phủ kín đất 3 - 5 cm (vụ trồng phụ) hoặc 7 - 10 cm (vụ trồng chính). Đất khô cần nén chặt cho hom tiếp xúc với đất. Trong vụ trồng chính nếu có điều kiện nên tưới ẩm sau khi trồng và sử dụng màng phủ nông nghiệp giữ ẩm và hạn chế cỏ dại cho mía.

IV. CHĂM SÓC

1. Đối với mía tơ

1.1. Trồng dặm

- Khoảng 15 - 25 ngày sau trồng, khi cây mía có 1 - 2 lá thật hoặc thu hoạch vụ trước, nếu thấy mất khoảng > 0,8 m thì phải trồng dặm. Nên dặm vào buổi chiều hoặc lúc trời mát.

- Kỹ thuật dặm: Đào rãnh sâu ngang với đáy rãnh lúc trồng, đặt cây dặm và lấp kín gốc. Khi dặm đất phải đủ ẩm, cây đem dặm phải cắt bớt lá để hạn chế thoát hơi nước, nén chặt đất vào gốc cây dặm. Nếu có điều kiện cần tưới ngay sau khi dặm.

1.2. Bón phân

a) Lượng phân bón cho 1 ha mía

- Vôi: Đất trồng mía có pH dưới 5 cần bón lót vôi bột (CaO) trước lần cày bừa cuối cùng, với lượng từ 800 - 1.000 kg/ha.

- Phân hữu cơ: 10 - 20 tấn (phân chuồng, phân rác, bã bùn, tro,…) hoặc thay thế bằng 1 - 3 tấn phân hữu cơ vi sinh.

- Phân hoá học: Tùy theo loại đất, vụ mía và điều kiện canh tác ở mỗi vùng mà điều chỉnh lượng phân bón sao cho phù hợp, trung bình cho vụ mía tơ như sau:

Loại đất trồng mía	Mức độ thâm canh	Lượng bón (kg/ha)		
		Đạm (N)	Lân (P_2O_5)	Kali (K_2O)
Đất xám cát và xám bạc màu	Cao	200 - 250	90 - 100	180 - 200
	Trung bình	160 - 200	60 - 90	150 - 180
Đất cát pha	Cao	180 - 220	80 - 100	160 - 180
	Trung bình	140 - 180	50 - 80	140 - 160
Đất đồi (đỏ vàng)	Cao	200 - 230	80 - 100	150 - 180
	Trung bình	150 - 200	60 - 80	120 - 150
Đất phèn	Cao	200 - 250	100 - 120	180 - 220
	Trung bình	160 - 200	80 - 100	150 - 180
Đất phù sa cổ	Cao	180 - 220	70 - 90	160 - 180
	Trung bình	140 - 180	50 - 70	120 - 160

Ở những vùng có lượng mưa lớn, xói mòn mạnh nên bón bổ sung các phân có chứa nguyên tố trung và vi lượng như sắt, mangan và magiê.

b) Cách bón

- Bón lót: Toàn bộ phân hữu cơ, phân lân, 1/3 lượng đạm và 1/3 lượng kali. Trường hợp cần phải xử lý mối và bọ hung thì bón thêm thuốc trừ sâu được phép sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Ngay sau khi bón lót, nên lấp 1 lớp đất mỏng 1 - 3 cm rồi mới đặt hom.

- Bón thúc lần 1 (thúc đẻ): Khi mía 4 - 5 lá, bón 1/3 lượng đạm và 1/3 lượng kali.

- Bón thúc lần 2 (thúc lóng): Khi mía 9-10 lá (mía có 1 - 2 lóng), bón 1/3 lượng đạm và 1/3 lượng kali. Nếu đất khô hạn hoặc nhiễm phèn mặn thì nên bón bổ sung 1 lần qua lá.

Lưu ý: Trước khi bón thúc, ruộng phải dọn sạch cỏ dại, đất phải đủ độ ẩm.

1.3. Tưới tiêu nước

a) Tưới nước

- Chỉ tiến hành tưới nước bổ sung cho mía vào các giai đoạn khô hạn kéo dài, đặc biệt là giai đoạn mọc mầm, đẻ nhánh và bắt đầu vươn lóng. Dừng tưới cho cây mía trước khi thu hoạch 1 tháng.

- Phương pháp tưới: Có thể áp dụng tưới thấm, tưới nhỏ giọt, tưới phun và tưới tràn theo rãnh mía.

- Lượng tưới: 40 - 50 mm/lần tưới, tương ứng với 400 - 500 m^3/ha/lần tưới. Tưới 1 - 2 lần/tháng.

b) Tiêu nước

Để tránh bị úng, ruộng trồng mía phải bằng phẳng, thiết kế hệ thống tiêu nước ngay sau khi trồng, xung quanh ruộng cần có rãnh, mương đấu nối với hệ thống thoát nước để tránh bị đọng nước sau khi mưa to. Không nên để mía bị ngập úng quá 1 tuần.

1.4. Chăm sóc mía thủ công hoặc bằng cơ giới

- Những nơi có diện tích lớn, tập trung, ruộng bằng phẳng, có điều kiện cơ giới có thể dùng máy kéo liên hợp với máy xới như: Máy xới răng nhọn, máy xới cánh én, máy xới kiểu đĩa,... để diệt cỏ giữa 2 hàng mía, đảm bảo cho đất tơi, xốp, thoáng khí, giúp mía sinh trưởng tốt.

- Xới vun cho mía: Thực hiện 2 lần:

+ Lần 1: Khi mía kết thúc mọc mầm (sau trồng hoặc sau thu hoạch vụ trước 30 - 40 ngày).

+ Lần 2: Khi mía kết thúc đẻ nhánh (sau trồng hoặc sau thu hoạch vụ trước 60 - 80 ngày).

- Chỉ dùng máy xới khi đất đủ ẩm, xới giữa 2 hàng mía cách gốc mía khoảng 20 cm.

Lưu ý: Nếu trồng hàng kép cần tăng cường làm cỏ giữa 2 hàng kép.

1.5. Phòng trừ cỏ dại

Cần tiến hành làm cỏ sớm, đặc biệt là ở giai đoạn mía < 4 tháng tuổi, phải đảm bảo ruộng mía luôn sạch cỏ dại.

a) Biện pháp thủ công

Dùng cuốc, tay hoặc trâu, bò cày xới giữa hàng để diệt cỏ trong hàng mía.

b) Biện pháp hóa học

+ Ngay sau khi trồng: Nếu đất có nguồn cỏ nhiều có thể phun một trong các loại thuốc tiền nảy mầm như: Gesapax 500FW (3 - 4 lít/ha), Ansaron 80WP (2 - 3 kg/ha), Mizin 80WP (3 - 6 kg/ha) hoặc Dual Gold 906EC (0,5 - 0,6 lít/ha), tiến hành phun phủ toàn bộ ruộng, trong phạm vi từ 2 - 5 ngày sau khi trồng. Chú ý khi phun thuốc đất phải đủ ẩm.

+ Giai đoạn 30 - 40 ngày sau trồng: Có thể sử dụng thuốc Gesapax 500FW (3 - 4 lít/ha), phun vào giữa các hàng mía (*tránh phun vào ngọn, lá mía*).

+ Giai đoạn 2 - 4 tháng sau khi trồng: Nếu thấy cỏ xuất hiện nhiều do làm cỏ không kịp hoặc do trước đó không trừ cỏ, có thể sử dụng thuốc trừ cỏ tiếp xúc Gramoxone 20SL, liều dùng từ 2 - 2,5 lít/ha (trừ cỏ lớn), trộn với 2 - 2,5 lít thuốc Gesapax 500FW hoặc 2 - 2,5 kg thuốc Ansaron 80WP (trừ cỏ non và hạn chế cỏ mọc trở lại) phun vào giữa các hàng mía, tránh phun lên mía.

+ Giai đoạn trên 4 tháng sau khi trồng: Nếu thấy có nhiều cỏ xuất hiện trở lại, có thể sử dụng thuốc Gramoxone 20SL để phun trừ như trên, với lượng dùng từ 2 - 2,5 lít/ha, nếu ruộng mía có nhiều cỏ 2 lá mầm, có thể trộn thêm khoảng 1 lít thuốc 2,4D (Zico 48SL). Ở giai đoạn này cần phải làm sạch cỏ để tránh lây lan sang vụ mía gốc.

1.6. Phòng trừ một số loài sâu bệnh hại mía chủ yếu

a) Sâu đục thân

- Dùng thuốc Basudin 10G hoặc Diaphos 10H với liều dùng 20 - 30 kg/ha hoặc Padan 4G với liều dùng 30 kg/ha rải vào rãnh mía trước khi đặt hom hoặc rải vào sát gốc mía trước khi vun.

- Cắt bỏ cây mầm bị sâu và làm sạch cỏ.

- Khi có điều kiện thì thả ong mắt đỏ từ tháng thứ 3 - 8 sau trồng hoặc thu hoạch, định kỳ 15 ngày thả 1 lần với liều lượng thả là 50.000 ong/ha/lần.

b) Rệp bông trắng

- Làm sạch cỏ, bóc và cắt lá già cho ruộng mía thông thoáng.

- Khi thấy rệp xuất hiện, cần tổ chức diệt trừ dứt điểm không để lây lan bằng thuốc Trebon 10EC hoặc Supracide 40EC, pha nồng độ 0,1 - 0,15%, mỗi ha sử dụng từ 1 - 1,5 lít thuốc, phun ướt đẫm đều khắp mặt lá, phun thật kỹ, tập trung những nơi có ổ rệp.

c) Bọ hung đục gốc:

Khi có nhiều bọ hung xuất hiện, trước khi vun gốc lần 1 rải thêm 25 - 30 kg thuốc Sago Super 3G vào gốc mía rồi vun đất.

d) Bệnh than:

Kịp thời nhổ bỏ và tiêu huỷ cây mía bị bệnh; ruộng mía bị bệnh nặng không nên để mía lưu gốc và phải luân canh cây họ đậu từ 1- 2 năm.

đ)Bệnh thối ngọn:

Cắt lá bệnh và tiêu huỷ; dùng thuốc boóc-đô hoặc sun-phát đồng trộn với vôi bột và đất bột theo tỷ lệ 10: 40: 50, rắc vào ngọn mía.

e) Bệnh chồi cỏ, bệnh trắng lá:

Tổ chức hệ thống sản xuất, cung ứng và hoàn toàn sử dụng hom giống sạch bệnh 3 cấp; phun thuốc trừ sâu hoặc dùng bẫy đèn thu bắt, diệt côn trùng môi giới truyền bệnh.

Lưu ý: Các loại thuốc bảo vệ thường thay đổi hàng năm do vậy việc sử dụng cần tham khảo theo danh mục thuốc được phép sử dụng hiện hành và hướng dẫn cụ thể trên bao bì sản phẩm của nhà sản xuất.

1.7. Luân, xen canh:

a) Chu kỳ luân canh:

- Với đất tốt cơ cấu chu kỳ luân canh 5 năm: 1 tơ + 3 gốc + 1 luân canh.

- Với đất đồi, đất xấu chu kỳ luân canh 4 năm: 1 tơ + 2 gốc + 1 luân canh.

Cây trồng luân canh với cây mía: Sử dụng cây họ đậu để nhằm mục đích cải tạo đất.

b) Xen canh:

- Ngay sau khi trồng mía, tiến hành rạch 1-2 hàng dọc giữa 2 hàng mía, bón phân lót, gieo hạt, lấp đất đủ kín hạt.

- Sau khi thu hoạch các cây trồng xen, nhanh chóng nhổ hết thân lá cây trồng xen, rải dọc theo chiều dài hàng mía, kết hợp bón phân thúc cho mía, xới giữa hai hàng mía để vùi lấp phân bón và thân lá cây trồng xen vào đất.

- Cây trồng xen canh với cây mía: Sử dụng cây ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng < 3 tháng như cây ớt, cây họ đậu, cây mè, dưa hấu,… ưu tiên cây họ đậu.

2. Đối với mía gốc:

- Chỉ lưu gốc những ruộng mía có năng suất cao, ít bị sâu bệnh, tỷ lệ mất khoảng < 20%.

- Sau khi thu hoạch xong phải tiến hành vệ sinh đồng ruộng ngay. Dùng cuốc, dao để bạt (phạt) sát đất những gốc cao; loại bỏ cây mầm, cây bị sâu bệnh hay cỏ dại sót lại từ vụ trước.

- Thu hoạch khi đất khô cần che phủ ruộng mía lưu gốc bằng nguồn ngọn, lá mía; gom ngọn lá mía xung quanh ruộng vào trong ruộng để tạo khoảng cách phòng chống cháy.

- Thu hoạch khi đất đủ ẩm cần gom ngọn, lá mía từng hàng xen kẽ, kết hợp dùng trâu, bò cày xả hai bên luống để làm đứt các rễ già và xới vun luống, hoặc gom ngọn lá, mía cách 2 hàng kết hợp cày xả và xới vun luống bằng cơ giới, sau đó phủ ngọn lá mía trở lại toàn bộ mặt ruộng. Sau khi cày xả tiến hành bón phân lần 1 cho ruộng mía gốc với 100% phân lân phối trộn với 100% phân hữu cơ, 1/3 lượng phân đạm và 1/2 lượng phân kali, sau đó mới vun xới luống.

- Sau khi áp dụng các biện pháp chăm sóc mía gốc ban đầu như trên và khi thấy mía tái sinh đều, cần tiến hành kiểm tra và dặm những chỗ mất khoảng 0,8 m. Phương thức dặm tương tự như ở vụ mía tơ, nhưng phải lưu ý đảm bảo đủ ẩm cho bụi mía sau khi trồng dặm.

- Lượng phân và cách bón phân cho ruộng mía gốc:

+ Lượng bón: Tùy theo loại đất và điều kiện canh tác ở mỗi vùng mà điều chỉnh lượng phân bón sao cho phù hợp, trung bình như sau:

Loại đất trồng mía	Mức độ thâm canh	Lượng bón (kg/ha)		
		Đạm (N)	Lân (P_2O_5)	Kali (K_2O)
Đất xám cát và xám bạc màu	Cao	220 - 275	70 - 80	200 - 220
	Trung bình	180 - 220	50 - 70	165 - 200
Đất cát pha	Cao	220 - 260	65 - 80	180 - 200
	Trung bình	160 - 220	40 - 65	160 - 180
Đất đồi đỏ vàng	Cao	220 - 250	65 - 80	165 - 200
	Trung bình	170 - 220	50 - 65	130 - 165
Đất phèn	Cao	270 - 330	70 - 90	200 - 240
	Trung bình	220 - 270	55 - 70	165 - 200
Đất phù sa cổ	Cao	200 - 240	55 - 70	175 - 200
	Trung bình	160 - 200	40 - 55	130 - 175

+ Kỹ thuật bón:

Lần 1: Sau thu hoạch khoảng 1 tháng (đối với đất chủ động tưới) hoặc đầu mùa mưa (đối với

Mô hình tưới phun mưa cho mía tại xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

canh tác nhờ nước trời): Bón 100% lượng lân, 1/2 lượng đạm và 1/2 lượng kali.

Lần 2: Khi mía bắt đầu vươn lóng hoặc sau lần thúc 1 khoảng 40 - 60 ngày, bón 1/2 lượng đạm và 1/2 lượng kali.

- Các biện pháp chăm sóc, làm cỏ, xới xáo, phòng trừ sâu bệnh thực hiện tương tự vụ mía tơ.

V. THU HOẠCH

1. Xác định mía chín để thu hoạch

- Theo cảm quan: Khi mía chín, lá mía sít lại, ngả màu hơi vàng nhạt, các đốt phần trên ngọn ngắn lại.

- Dùng máy kiểm tra: Lấy mẫu ngẫu nhiên đem phân tích, khi mía đạt CCS ≥ 9,0% mới bắt đầu thu hoạch.

- Theo loại mía: Mía gốc thu hoạch trước, mía tơ thu hoạch sau.

- Theo loại giống: Giống chín sớm thu hoạch trước, rồi đến giống chín trung bình và cuối cùng là giống chín muộn.

2. Chặt và vận chuyển mía sau thu hoạch

- Yêu cầu khi thu hoạch: Phải chặt sát gốc, không dập gốc, chặt ngọn ló "mặt trăng". Róc sạch rễ lá, đạt tiêu chuẩn mía nguyên liệu, bó thành từng bó từ 10-15 kg và gom thành từng đống 30-50 bó nhằm giúp quá trình bốc xếp thuận lợi.

- Thu hoạch xong nên dùng bạt che phủ tránh nắng bốc hơi, giảm lượng đường và phải vận chuyển ngay đến nơi chế biến trong vòng 24 giờ.

- Hạn chế các phương tiện vận chuyển đi vào các ruộng mía lưu gốc.

- Thời gian thu hoạch mỗi ruộng mía không quá 5 ngày tạo sự nảy mầm đồng đều để dễ chăm sóc mía gốc.

- Sử dung vi sinh vật phân hủy lá mía hoặc tủ gốc để giữ ẩm, hạn chế cỏ dại và tăng hữu cơ cho đất■

VŨ THỊ THỦY
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Một số lưu ý VỀ QUẢN LÝ SỨC KHỎE CÁ RÔ PHI NUÔI THÂM CANH

Trong quá trình nuôi thâm canh cá rô phi (kể cả cá điêu hồng), thường gặp những bệnh như bệnh xuất huyết do vi khuẩn Gram dương *Streptococcus iniae*, bệnh viêm ruột do vi khuẩn *Gram âm Aeromonas hydrophila*, bệnh do vi khuẩn dạng sợi Gram âm *Flavobacterium columnare*, bệnh trùng bánh xe do Trichodina, bệnh trùng quả dưa do Ichthyophthyrius, bệnh sán lá đơn chủ do *Gyrodactylus*, bệnh rận cá do *Caligus*; bệnh nấm, bệnh liền cầu khuẩn...

Ở giai đoạn cá giống, thường gặp bệnh do ký sinh trùng *Trichodina* và *Gyrodactylus*; vào cuối chu kỳ nuôi cá thường gặp bệnh do vi khuẩn *Streptococcus* và *Aerromonas*; khi điều kiện thời tiết lạnh (mùa đông ở miền Bắc và mùa mưa ở miền Nam), cá thường nhiễm bệnh vi khuẩn dạng sợi do *Flavobacterium*, bệnh trùng quả dưa do *Ichthyophthyrius.* Nuôi cá ở môi trường nước lợ thường nhiễm bệnh rận cá do *Caligus*.

Để đảm bảo sản xuất cá rô phi thương phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm, tuyệt đối không sử dụng

các thuốc chất kháng sinh, hóa chất bị cấm sử dụng. Hàng ngày chú ý theo dõi các hiện tượng có thể xảy ra đối với cá nuôi trong ao, lồng/bè như: cá nổi đầu do thiếu ôxy, cá bị nhiễm độc do nước bị ô nhiễm, cá kém ăn hoặc bỏ ăn do môi trường thay đổi theo chiều hướng xấu, thức ăn kém chất lượng hoặc cá bị bệnh.

Kịp thời có biện pháp xử lý các hiện tượng trên bằng cách: Quấy sục khí làm tăng hàm lượng ôxy hòa tan, di chuyển lồng/bè ra khỏi khu vực môi trường bị ô nhiễm bẩn, cho cá ăn đủ cả chất và lượng, loại bỏ cá bệnh ra khỏi lồng bè.

Ở khu vực nuôi xảy ra bệnh, cần cách ly những lồng/bè bị bệnh bằng biện pháp kéo lồng/bè đến vị trí cuối dòng nước chảy, kịp thời chữa bệnh cho cá nuôi. Khi thấy cá nuôi bị bệnh nặng và có khả năng lây lan, phải tiến hành thu hoạch ngay. Sử dụng thuốc phòng trị bệnh cho cá theo đúng những quy định về phòng bệnh cho cá nước ngọt nuôi lồng/bè.

1. Phòng bệnh ngoại ký sinh cho cá nuôi

Sử dụng một số hóa chất sau đây phun xuống ao hoặc treo trong lồng/bè để khử trùng môi trường nước, diệt các tác nhân gây bệnh ngoại ký sinh cho cá nuôi.

** Sulphat đồng ($CuSO_4$) phòng bệnh ký sinh đơn bào:*

- Thuốc phun xuống ao nuôi cá, liều lượng 0,5 - 0,7 g/m^3 nước, mỗi tháng phun từ 2 - 4 lần.

- Thuốc đựng trong túi vải treo trong lồng/bè (vị trí và độ sâu treo như túi vôi).

- Liều lượng sử dụng là 50 g/10 m^3 nước, mỗi tuần treo 2 lần.

** Thuốc TCCA phòng bệnh vi khuẩn, nấm và ký sinh đơn bào:*

- Thuốc phun xuống ao nuôi cá, liều lượng 0,3 - 0,5 g/m^3 nước, mỗi tháng phun từ 2 - 4 lần.

- Thuốc đựng trong túi vải treo trong lồng/bè (vị trí và độ sâu treo như túi vôi).

- Liều lượng sử dụng là 50 g/10 m^3 nước, mỗi tuần treo 1 lần.

** Thuốc tím ($KMnO_4$) phòng bệnh vi khuẩn, nấm và ký sinh đơn bào:*

- Thuốc phun xuống ao nuôi cá, liều lượng 0,5 - 0,7 g/m^3 nước, mỗi tháng phun từ 2 - 4 lần.

- Thuốc đựng trong túi vải treo trong lồng/bè (vị trí và độ sâu treo như túi vôi).

- Liều lượng sử dụng là 50 g/10 m^3 nước, mỗi tuần treo 1 lần.

2. Cho cá ăn thuốc phòng bệnh nội ký sinh

Sử dụng một số loại thuốc sau đây trộn lẫn với thức ăn cho cá ăn để phòng bệnh nội ký sinh (bệnh nhiễm khuẩn máu).

** Thuốc KN-04-12:*

- Thuốc được phối chế từ những cây thuốc có tác dụng diệt khuẩn. Trong thuốc có một số vitamin và nguyên tố vi lượng khác.

- Cho cá ăn 1 - 2 đợt thuốc KN-04-12. Mỗi đợt cho ăn 3 ngày liên tục, liều lượng 2 - 4 g/kg cá/ngày.

- Ở miền Bắc cho cá ăn vào tháng 3 - 5 và tháng 8 - 10; ở miền Nam cho cá ăn vào tháng 2 - 7. Đây là mùa xuất hiện bệnh nhiễm khuẩn máu (đốm đỏ, xuất huyết, thối mang, viêm ruột...).

** Vắc-xin vô hoạt phòng bệnh nhiễm khuẩn:*

Tiêm vắc-xin vô hoạt cho toàn bộ cá giống trước khi thả với liều 0,2 ml/cá thể để phòng bệnh nhiễm khuẩn do *Aeromonas hydrophila, Streptococcus iniae.*

3. Tăng cường sức đề kháng cho cá nuôi

** Vitamin C:* Vào những mùa xuất hiện bệnh nhiễm khuẩn máu, trộn thêm vitamin C vào thức ăn cho cá ăn hàng ngày. Liều lượng sử dụng là 50 - 60 mg/kg cá/ngày.

** Chế phẩm sinh học:* Là một sản phẩm gồm vi khuẩn có lợi và enzym tổng hợp ở dạng bột, dùng để tăng cường tiêu hóa và bảo vệ đường ruột. Liều lượng sử dụng: Trộn 0,5 - 1 g/kg thức ăn cá, cho cá ăn trong suốt vụ nuôi.

** Dầu mực:* Có tác dụng bao bọc thuốc vào thức ăn, giảm tổn thất thuốc trong môi trường nước, tạo mùi hấp dẫn cho cá bắt mồi nhiều. Liều lượng sử dụng: 10 g/kg thức ăn■

VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I

BỆNH CẦU TRÙNG BÊ NGHÉ

Bệnh cầu trùng bê nghé (Coccidiosis) phổ biến và phân bố rộng khắp nhưng thường tập trung ở các trại chăn nuôi bò sữa. Bệnh cầu trùng do loài *Eimeria* gây ra, thường gây bệnh ỉa chảy ở bê nghé từ 2 - 3 tháng tuổi. Tại các trại bò sữa, tỉ lệ nhiễm bệnh cầu trùng ở bê nghé cao do chăm sóc quản lý kém, chuồng nuôi tối ẩm, nguồn nước hạn chế, không ủ phân rác.

1. Dịch tễ học

Bê nghé bị nhiễm cầu trùng cao hơn trâu bò. Bệnh xảy ra ở khắp nơi, tỉ lệ bê nghé nhiễm từ 50 - 80%. Bê nghé từ 1 - 2 tháng tuổi thường nhiễm nặng. Bệnh ở bê nghé thường ở thể cấp tính, còn trâu bò thường ở thể mãn tính hoặc mang trùng. Thời kỳ nóng ẩm mưa nhiều làm noãn nang cầu trùng dễ dàng phát triển thành giai đoạn cảm nhiễm. Khi mưa xuống, nước mưa sẽ mang noãn nang cảm nhiễm ra các khu vực phụ cận làm ô nhiễm môi trường chăn nuôi và lây lan bệnh rất nhanh.

Vòng đời: Cầu trùng có hai giai đoạn phát triển ngoài tự nhiên và trong cơ thể gia súc. Giai đoạn phát triển ngoài tự nhiên: Noãn nang bài xuất theo phân ra ngoài (đây là dạng trưởng thành bên trong có 4 bào nang) khi gặp điều kiện thuận lợi tạo thành noãn nang cảm nhiễm.

Giai đoạn phát triển trong cơ thể bê nghé: Khi vào cơ thể gia súc, noãn nang cảm nhiễm vỡ ra, giải phóng các bào tử thể đực và cái. Các bào tử thể tạo thành hợp tử, hợp tử lại vỡ ra giải phóng ra các noãn nang theo phân ra ngoài. Trong quá trình phát triển, các noãn nang cầu trùng tiết ra độc tố phá huỷ nhung mao ruột, tổn thương niêm mạc ruột gây xuất huyết ruột, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn đường ruột xâm nhập, gây viêm ruột kế phát.

2. Triệu chứng lâm sàng

**** Thể cấp tính:*** Thời gian ủ bệnh từ 7 - 10 ngày đối với bê nghé từ 1 - 3 tháng tuổi. Bê thường bị ỉa chảy, phân nát, mùi tanh, sau 2 - 3 ngày phân có lẫn niêm mạc ruột, lầy nhầy, có máu tươi hoặc màu nâu.

Bê nghé thường phải cong lưng rặn nhưng phân ra rất ít nên còn gọi là "bệnh lỵ đỏ". Con vật ăn ít, uống nước nhiều. Có trường hợp sốt nhẹ do viêm ruột. Bệnh cấp tính thường gây chết nhanh sau 7 - 10 ngày nếu không được điều trị kịp thời.

**** Thể mãn tính:*** Các biểu hiện lâm sàng giống bệnh cấp tính nhưng nhẹ hơn và kéo dài. Cũng có trường hợp bê qua được thời kỳ cấp tính và chuyển thành mãn tính.

Bê thường bị viêm ruột mãn tính, khi ỉa chảy khi táo bón. Phân thường có dịch nhầy và lẫn máu. Bê bị suy nhược, tiêu hoá kém, lông xơ xác. Bê gày còm và dễ nhiễm các bệnh kế phát như bệnh tiên mao trùng, lê dạng trùng, tụ huyết trùng... Bê thể bệnh mãn tính thường là nguồn reo rắc bệnh.

3. Bệnh tích

Niêm mạc ruột già, trực tràng có tụ huyết từng đám, có nhiều cầu trùng. Niêm mạc ruột xuất huyết, tróc niêm mạc ruột từng mảng. Ruột sưng to, có nhiều điểm hoại tử màu trắng. Niêm mạc nhợt nhạt, lông xơ xác.

4. Chẩn đoán bệnh

- Căn cứ vào triệu chứng lâm sàng và dịch tễ học: Bê thường ỉa chảy, phân nhầy có lẫn máu tươi.

- Tìm noãn nang cầu trùng trực tiếp từ niêm mạc ruột. Nạo niêm mạc ruột ở vị trí xuất huyết nhiều, cho lên phiến kính tìm noãn nang cầu trùng.

Bồi dưỡng cho trâu bò mẹ đủ sữa để bê nghé bú, tăng sức đề kháng

- Tìm noãn nang qua kiểm tra phân bằng phương pháp Fuiileborn. Noãn nang cầu trùng ở bê nghé thường có hình cầu hoặc hình bầu dục bên trong có 2 hoặc 4 bào nang. Kích thước noãn nang từ 16 - 32 µm x 18 - 21 µm.

5. Phòng trị bệnh

Nên tăng cường chăm sóc, hộ lý cho bê nghé. Nên cho ăn giảm lượng cỏ rơm để chống co thắt chảy máu ruột, tăng thêm thức ăn tinh và dễ tiêu hoá.

Có thể dùng một trong các loại thuốc sau để tẩy cho bê nghé: Furazolidon: Liều 30 mg/kg thể trọng trộn lẫn thức ăn hoặc hoà nước cho uống. Dùng liên tục trong 4 - 5 ngày liền. Sulfamethazine: Liều 50 - 100 mg/kg thể trọng cho uống, dùng trong 4 - 5 ngày liên tục. Amprolium: Liều 10 mg/kg thể trọng, cho uống 5 ngày liền.

Nên kết hợp với kháng sinh chống nhiễm khuẩn đường tiêu hoá như Chloramphenicol 30mg/kg thể trọng hoặc Oxytetracyclin 30 mg/kg thể trọng dùng trong 5 - 6 ngày liên tục.

** Phòng bệnh:*

Tránh tiếp xúc với mầm bệnh: Giữ vệ sinh chuồng trại. Phân rác thải cần tập trung để ủ sinh học hoặc rắc vôi bột để diệt noãn nang. Dùng Crezil 2% hoặc NaOH 1% phun rửa nền chuồng. Không nhập trâu bò từ vùng có bệnh.

Sử dụng thuốc phòng nhiễm: Sulfamethazil: 50 mg/kg thể trọng dùng trong 3 - 4 ngày, nghỉ 10 ngày, dùng tiếp đợt 2. Prophylactic: 7 mg/kg thể trọng trộn thức ăn hàng ngày trong 21 ngày.

Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng: Bồi dưỡng cho trâu bò mẹ đủ sữa để bê nghé bú, tạo điều kiện tăng sức đề kháng. Giữ bê nghé ở nơi khô ráo, nên giữ trong cũi để tránh tiếp xúc với phân có mầm bệnh. Cho bê bú sữa đầu trong 6 giờ sau đẻ để tăng sức kháng■

TS. HẠ THÚY HẠNH
PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY SÚP LƠ

1. Thời vụ

- Ở đồng bằng Bắc bộ, cây súp lơ chỉ thích hợp trong vụ đông và đông xuân. Thời gian từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau.

- Ở Lâm Đồng - Đà Lạt, cây súp lơ có thể trồng được quanh năm.

2. Mật độ, khoảng cách

Cây súp lơ thuộc loại rau có thân cao nên khi trồng phải chú ý điều chỉnh mật độ cho thích hợp. Mặt khác, khi xác định mật độ cần nghiên cứu đặc tính của giống và thời vụ trồng. Trồng hàng kép nanh sấu trên luống, khoảng cách thích hợp là 50 - 55 cm, mật độ 3.000 cây/1.000 m^2.

3. Đất và phân bón

- Đất: Đất cày bừa kĩ, nhặt sạch cỏ dại, lên luống rộng 0,9 - 1 m, cao 18 - 20 cm, rãnh rộng 25 - 30 cm. Nếu trồng vụ sớm (ở miền Bắc) hoặc mùa mưa (ở Đà Lạt), lên luống cao 25 - 30 cm.

- Phân bón:

Lượng phân chuồng và phân hóa học bón cho 1 ha là:

Loại phân	Tổng lượng phân bón (kg /ha)	Bón lót (%)	Bón thúc (%)		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
Phân chuồng hoai mục	15.000	100	-	-	-
Đạm urê	200 - 250	20	20	30	30
Lân supe	330 - 350	100	-	-	-
Kali clorua	150 - 180	20	20	30	30

Đối với phân vô cơ có thể dùng phân đơn hoặc phân hỗn hợp nhưng phải cân đối theo lượng bón trên.

Nếu không có phân chuồng hoai mục có thể dùng các phân hữu cơ sinh học với lượng 1 - 3 tấn/ha, tùy thuộc vào từng loại đất.

**** Cách bón:***

- Bón lót: Trộn đều phân chuồng hoai mục hoặc phân hữu cơ vi sinh, phân lân và kali rồi bón theo hốc trồng là tốt nhất. Bón xong đảo đất cho đều rồi tiến hành trồng cây con. Lưu ý, không để rễ cây tiếp xúc với phân bón.

- Bón thúc lần 1: Từ 7 - 10 ngày sau trồng, xới nhẹ kết hợp bón phân.

- Bón thúc lần 2: Sau trồng 25 - 30 ngày, bón thúc phân lần 2 kết hợp vun cao.

- Thúc lần 3: Sau thúc lần 2 từ 10 - 15 ngày, bón nốt lượng phân bón còn lại.

Sau mỗi lần bón phân phải kết hợp với tưới nước đủ ẩm.

Cây súp lơ có thân cao, lá nhiều, rễ ăn nông do đó cần vun cao để giữ cho gốc chắc chắn, tránh đổ ngã nhất là khi có gió lớn. Kết hợp với bón phân qua rễ, cần phun thêm phân bón qua lá để cây hấp thu nhanh và bổ sung đầy đủ các nguyên tố vi lượng cần thiết cho cây như: Mg, Ca, S, Bo, Zn, Cu... để cây sinh trưởng tốt và ra hoa đồng đều.

4. Chăm sóc

a) Tưới nước

Súp lơ là cây ưa nước, song khả năng chịu úng và mưa nhiều lại rất kém, do đó phải đảm bảo tưới đủ ẩm trong mùa khô. Lượng nước tưới phải nhiều, nên tưới vào buổi sáng, nhất là khi cây đã ra hoa để hoa được khô ráo, hạn chế nước đọng làm hoa dễ bị thối. Trong điều kiện mùa mưa, mưa nhiều, ẩm độ cao, nên trồng súp lơ trong nhà có mái che để hạn chế bệnh hại.

b) Che đậy hoa

Che hoa là một biện pháp kĩ thuật rất cần thiết trong việc trồng súp lơ. Che hoa làm cho hoa trắng, mềm, non và ngon. Nếu không che hoa, để nụ hoa chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiệt độ cao và ánh sáng trực xạ thì sẽ làm cho hoa từ màu vàng trắng chuyển sang màu vàng sẫm rồi màu nâu, như vậy sẽ làm giảm giá trị dinh dưỡng và giá trị thương phẩm của sản phẩm.

Sau khi trồng được khoảng 45 - 50 ngày, khi mà 2 lá ở giữa nhỏ hẳn đi và bắt chéo nhau, nụ hoa bắt đầu xuất hiện thì phải tiến hành che đậy ngay. Khi che có thể bẻ những lá phía dưới đậy lên hoa (lấy khoảng 1/3 phiến lá phần đầu lá). Khi lá đậy hoa bị héo là phải thay đổi lá đậy khác ngay. Việc che đậy này phải làm cho tới khi thu hoạch hoa lơ.

5. Phòng trừ sâu bệnh

Cây súp lơ là đối tượng của nhiều sâu bệnh gây hại như: Sâu tơ, sâu khoang, sâu xám, sâu đục hoa, bệnh sương mai, bệnh thối gốc… Để phòng trừ hiệu quả, cần áp dụng các biện pháp phòng trừ tổng hợp cho cây (IPM):

- Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng tiêu hủy tàn dư cây trồng vụ trước và cây bị bệnh, có chế độ luân canh hợp lý giữa cây trồng cạn và cây trồng nước, giữa các cây trồng khác họ.

- Làm đất phơi ải kỹ, xới xáo làm cỏ kịp thời.

- Sử dụng các giống chống bệnh. Xử lý hạt giống trước khi gieo và tránh tưới nước quá ẩm.

- Bón phân cân đối, tăng cường bón phân kali.

- Theo dõi diễn biến thành phần thiên địch và sâu non, phun thuốc khi sâu non tuổi nhỏ, không phun thuốc khi mật độ thiên địch cao. Đối với bệnh hại thì phun thuốc khi bệnh chớm xuất hiện. Khi sử dụng thuốc trừ sâu bệnh cần tuân thủ nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly.

Lưu ý: Khi cây có hoa chỉ nên dùng các loại thuốc trừ sâu sinh học, thuốc ít độc hại và thuốc có thời gian cách ly ngắn. Ngừng phun thuốc 15 ngày trước khi thu hoạch.

6. Thu hoạch

Thời gian thu hoạch súp lơ phụ thuộc vào mùa vụ và giống. Trong điều kiện bình thường thì sau khi có nụ từ 7 - 10 ngày là có thể thu hoạch được. Thu quá sớm thì năng suất giảm, nếu thu muộn thì nụ hoa sẽ nở làm giảm phẩm chất sản phẩm■

TTKNQG

TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Lươn nuôi trong bể không bùn được 4 tháng, bể rộng 3 m (khoảng 9 m^2) thả gần 100 kg, nhưng mắt lươn bị mù, trắng đục, đầu sưng phù, chết rải rác. Từ lúc thả đến giờ lươn không ăn gì và không lớn? Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?***

Lê Hồng Bích Phượng, Tân Mỹ, Đức Hòa, Long An

Đáp:

Bể nuôi rộng 3 m mà chị thả gần 100 kg lươn giống như vậy là mật độ quá cao. Khi cho thức ăn, lươn không ăn sẽ càng gây ô nhiễm nguồn nước nên các loại bệnh và vi khuẩn trong bể nuôi phát triển làm cho mắt lươn bị mù, trắng đục, đầu sưng và chết rải rác.

Cách khắc phục: Chị nên tách riêng những con khỏe mạnh sang bể nuôi khác, loại bỏ những con yếu và bị bệnh. Vệ sinh nguồn nước sạch sẽ, sau khi cho ăn phải loại bỏ thức ăn dư thừa và thay 40 - 50% lượng nước trong bể; bổ sung các loại vitamin C, B1 vào thức ăn để tăng sức đề kháng cho lươn, tắm cho lươn bằng nước muối 3% hoặc thuốc tím ($KMnO_4$), thả nuôi mật độ 150 - 200 con/ m^2.

Hỏi: ***Gia đình tôi trồng 2 ha cà phê, hiện đang bị vàng ở cành, có chấm vàng ở tay, một số cây bị muội bám vào. Xin hỏi biện pháp khắc phục?***

Đỗ Trung Châu, thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng

Đáp:

- Triệu chứng bị chấm vàng ở tay (ở cành), ngoài ra còn xuất hiện trên thân, lá và quả là do cây bị bệnh tảo đỏ. Đến nay chưa có thuốc chính thức đăng ký trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật hàng năm để trừ tảo đỏ. Do vậy, có thể sử dụng các loại thuốc gốc đồng như hoặc đồng đỏ Cuprous Oxide (Norshield 86.2WP) để phòng trừ.

- Nấm muội đen thường phát triển mạnh trên những cây cà phê có nhiều rệp muội, rệp sáp… Loại nấm này chỉ phát triển được khi có chất mật ngọt do rệp bài tiết ra. Do vậy không cần phòng trừ nấm muội đen mà phải kiểm tra có rầy, rệp hay không, nếu có thì phun trừ rầy, rệp; khi đó nấm muội đen sẽ hết.

Hỏi: ***Hiện gia đình tôi đang nuôi đàn gà Đông Tảo, gần đây gà có hiện tượng đi cà nhắc, ở bắp chân một bên lớn, một bên nhỏ. Xin hỏi gà nhà tôi bị mắc bệnh gì và cách chữa trị?***

Nguyễn Xuân Bằng, Bắc Giang

Đáp:

Gà Đông Tảo là giống gà hướng thịt, khối lượng cơ thể lớn do đó khi khẩu phần ăn thiếu khoáng, gà thiếu canxi sẽ bị yếu chân, khi một chân yếu, vận động khó, cơ sẽ bị teo và nhỏ dần.

Biện pháp khắc phục: Cân đối khẩu phần thức ăn, bổ sung khoáng, ADE và các khoáng vi lượng, vitamin; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

Phòng bệnh bao giờ cũng cho hiệu quả cao nhất, nuôi dưỡng đúng kỹ thuật, thức ăn đầy đủ chất lượng và số lượng; thường xuyên vệ sinh, sát trùng và chăm sóc nuôi dưỡng tốt để đàn gà có sức kháng bệnh cao.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CAO SU NĂM 2015 ĐẠT 1.52 TỶ USD, GIẢM 14,4%

Theo thông tin công bố từ Bộ Nông nghiệp và PTNT, ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 12/2015 đạt 137 ngàn tấn với giá trị 156 triệu USD. Như vậy, năm 2015 xuất khẩu cao su ước đạt 1,13 triệu tấn, giá trị 1,52 tỷ USD, tăng 6,1% về khối lượng nhưng giảm 14,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

Giá cao su xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2015 đạt 1,377 USD/tấn, giảm 18,74% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc, Malaysia và Ấn Độ vẫn duy trì là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 72,73% thị phần.

Về nhập khẩu, ước khối lượng nhập khẩu cao su trong 12 tháng năm 2015 đạt 385 ngàn tấn, giá trị nhập khẩu đạt 641 triệu USD, tăng 17,8% về khối lượng nhưng lại giảm 1,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Thị trường nhập khẩu cao su của Việt Nam chủ yếu từ các nước như Hàn Quốc (chiếm 20%), Nhật Bản (15,9%) và Campuchia (11,6%). Thị trường có giá trị tăng mạnh so với cùng kỳ là Indonesia tăng gấp 2,8 lần về khối lượng và 2,5 lần về giá trị, tiếp theo là thị trường Malaysia.

Theo TTXVN

CÁ NGỪ VIỆT NAM ĐƯỢC HƯỞNG LỢI TỪ TPP

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), trong bối cảnh xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang các nước trên thế giới đang giảm, xuất khẩu sang 11 nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) lại tăng so với cùng kỳ năm trước.

Số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam cho thấy 10 tháng đầu năm nay, tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang các nước trong TPP đạt hơn 205 triệu USD, tăng hơn 11% so với cùng kỳ. Tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang 11 nước TPP này chiếm gần 53% tổng giá trị sang các thị trường trên thế giới. Theo TPP, các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam sẽ được các nước cắt giảm thuế xuất bằng 0% vào năm 2015 và các nước như Mỹ, Nhật Bản và Mexico lại có một lộ trình giảm thuế riêng với các mặt hàng cá ngừ của Việt Nam.

Theo đánh giá của các chuyên gia, chi phí lương nhân công sơ chế tại Việt Nam đang chỉ bằng 1/8 so với các nước sản xuất cá ngừ đóng hộp khác. Đây sẽ là một lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp cá ngừ đóng hộp của Việt Nam.

Tuy nhiên, ngành cá ngừ của Việt Nam vẫn tồn tại thách thức lớn về vấn đề thuế quan, trợ cấp đánh bắt tự nhiên, chống trao đổi hải sản đánh bắt từ tự nhiên trái phép… mà hiện tại việc thực hiện và quản lý vấn đề này của Việt Nam còn rất nhiều bất cập.

Theo VASEP

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

PHILIPPINES DỰ ĐỊNH NHẬP KHẨU 50.000 TẤN GẠO VIỆT NAM VÀ THÁI LAN

Hãng tin Antara của Indonesia ngày 16/11 cho biết, đầu năm 2016, 50.000 tấn gạo từ Việt Nam và Thái Lan sẽ cập cảng Dumai ở tỉnh Riau, để nhập khẩu vào Indonesia.

Theo người phụ trách Văn phòng Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) tại Dumai, ông Agus Sabelia Titov, Chính phủ Indonesia quyết định nhập khẩu gạo để đảm bảo nguồn cung trên thị trường, nhằm ổn định giá của mặt hàng thiết yếu và quan trọng đối với 250 triệu dân của quốc đảo này. Trước đó, số lượng gạo nhập khẩu đã được chuyển đến không chỉ ở thủ đô Jakarta, mà còn được phân bổ đều ra một số cảng biển khác như Merauke, Papua, Bắc Sulawesi… nhằm tạo thuận lợi cho việc phân phối.

Theo Bộ Nông nghiệp Indonesia, tình trạng hạn hán kéo dài từ tháng 8 đến tháng 11 năm nay đã khiến ngành sản xuất lúa gạo của Indonesia thất thu. Sản lượng lúa của nước này không thể đạt mức 75,5 triệu tấn trong năm nay như ước tính trước đó của Cục Thống kê Quốc gia. Điều đó khiến Indonesia phải đàm phán nhập khẩu gạo với các nhà sản xuất lúa gạo lớn trong khu vực. Theo thỏa thuận, Việt Nam sẽ cung cấp 1 triệu tấn gạo cho Indonesia.

Theo TTXVN

"TÍN HIỆU BUỒN" CỦA THỊ TRƯỜNG NGŨ CỐC THẾ GIỚI

Đánh giá triển vọng thị trường ngũ cốc toàn cầu trong dài hạn, Informa Economics hãng nghiên cứu, phân tích, đánh giá và tư vấn về thị trường nông sản, hàng hóa và năng lượng hàng đầu thế giới cho rằng sức tiêu thụ tăng chậm cùng với nguồn cung dồi dào ngũ cốc và các loại hạt có dầu sẽ tiếp tục gây sức ép không nhỏ lên các thị trường nông sản thế giới trong thập niên tới.

Theo nhận định của các nhà phân tích, giá ngũ cốc và các loại hạt có dầu trên thị trường thế giới sẽ vẫn ở mức thấp trong thời gian tới. Đây là điều bất lợi cho nông dân, giới giao dịch và các doanh nghiệp cung cấp hạt giống, phân bón và thuốc trừ sâu. Trong 10 năm tính đến năm 2012, xu hướng tăng giá mạnh của các mặt hàng nông sản như ngô, đậu tương... đã đưa thị trường nông sản trải qua cái gọi là "siêu chu kỳ", trong bối cảnh nhu cầu của Trung Quốc cũng như lượng tiêu thụ ngũ cốc và đường để sản xuất nhiên liệu sinh học trên thế giới tăng mạnh.

Theo Informa Economics, nông dân có xu hướng chuyển từ trồng ngô sang trồng đậu tương. Diện tích trồng ngô dự báo sẽ tăng 3,6%, lên 183,7 triệu ha trong thập niên tới, còn diện tích trồng đậu tương tăng mạnh hơn (tăng 14%) lên 139,2 triệu ha trong cùng thời gian này.

Theo TTXVN